

BÀI 1

NHỮNG SẮC ĐIỆU THI CA (THƠ CỔ ĐIỂN VÀ LÃNG MẠN)

PHẦN I: TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tìm hiểu phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn

PHONG CÁCH CỔ ĐIỂN VÀ PHONG CÁCH LÃNG MẠN

Đọc nội dung về *phong cách*, *phong cách cổ điển* và *phong cách lãng mạn* (SGK, tr. 9 – 10), tìm các từ khoá và điền vào chỗ trống:

1. Phong cách là:

.....
.....

2. Phong cách được tạo thành từ:

.....

Thể hiện qua:

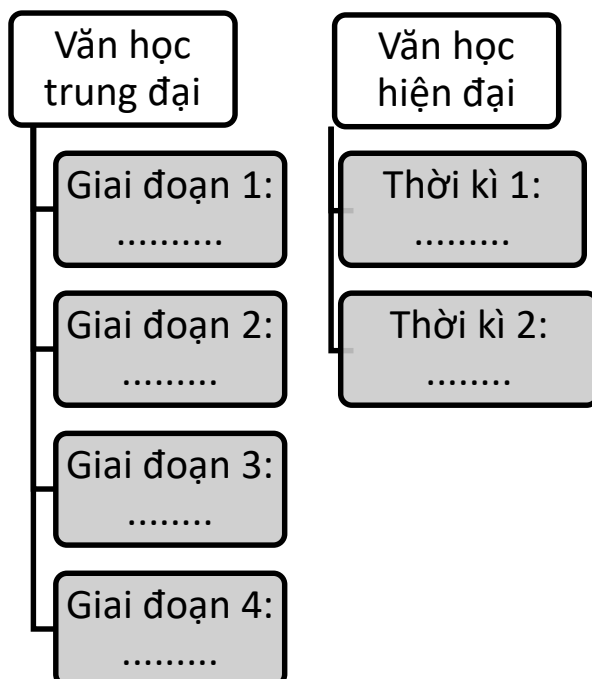
(1); (2); (3)

(4)

3. Hoàn thành bảng tóm tắt sau:

ĐẶC ĐIỂM CỦA PHONG CÁCH CỔ ĐIỂN VÀ PHONG CÁCH LÃNG MẠN		
	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn
Về nội dung		
Về hình thức		

2. Lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học



3. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng (SGK)

PHẦN II. ĐỌC
VĂN BẢN 1: HOÀNG HẠC LÂU
 (Thôi Hiệu)

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Tìm hiểu chủ thể trữ tình, nội dung bao quát của bài thơ và tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình

Chủ thể trữ tình	Chủ thể trữ tình của <i>Hoàng hạc lâu</i>	Nội dung bao quát của <i>Hoàng hạc lâu</i>
– Chỉ người thể hiện thái độ, cảm xúc, tư tưởng của mình trong suốt VB thơ. – Thường xuất hiện trực tiếp với các đại từ nhân xưng: “tôi”, “ta”, “chúng ta”, “anh”, “em” hoặc nhập vai vào một nhân vật nào đó, cũng có thể là “chủ thể ẩn”. – Các hình thức xuất hiện của chủ thể trữ tình cũng có thể thay đổi, xen kẽ trong một bài thơ.		

3.2. Nội dung bài thơ

Hai câu đề

Tình cảm, cảm xúc:



Hai câu thực

Tình cảm, cảm xúc:



Hai câu luận

Tình cảm, cảm xúc:



Hai câu kết

Tình cảm, cảm xúc:

3.3. Những đặc sắc về nghệ thuật bài thơ:**- Cách sử dụng vần, nhịp, đối....**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Cách sử dụng hình ảnh, điển tích, điển cố

Hình ảnh, điển tích, điển cố	Ý nghĩa	Chủ đề
Một số hình ảnh tiêu biểu: — — —		
Một số điển tích, điển cố: — — —		

3.4. Phong cách sáng tác bài thơ

.....

.....

.....

.....

.....

4. Liên hệ, mở rộng:

Sưu tầm các bài thơ khác cũng chủ đề nhớ quê hương, xa quê hương trong văn học Trung đại nói riêng và văn học các nước nói chung. Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa bài thơ đó với Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Tổng kết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Luyện tập:

Sắp xếp một số tác phẩm thơ theo tiến trình lịch sử văn học (câu hỏi 6 (SGK, tr. 3)).

Tên tác phẩm, tác giả	Phong cách sáng tác	Thời kì văn học (trung đại/ hiện đại)
Độc “Tiểu Thanh kí” (Nguyễn Du)		
Hoàng Hạc lâu (Thôi Hiệu)		
Thơ duyên (Xuân Diệu)		

.....

VĂN BẢN 2: TRĂNG GIANG

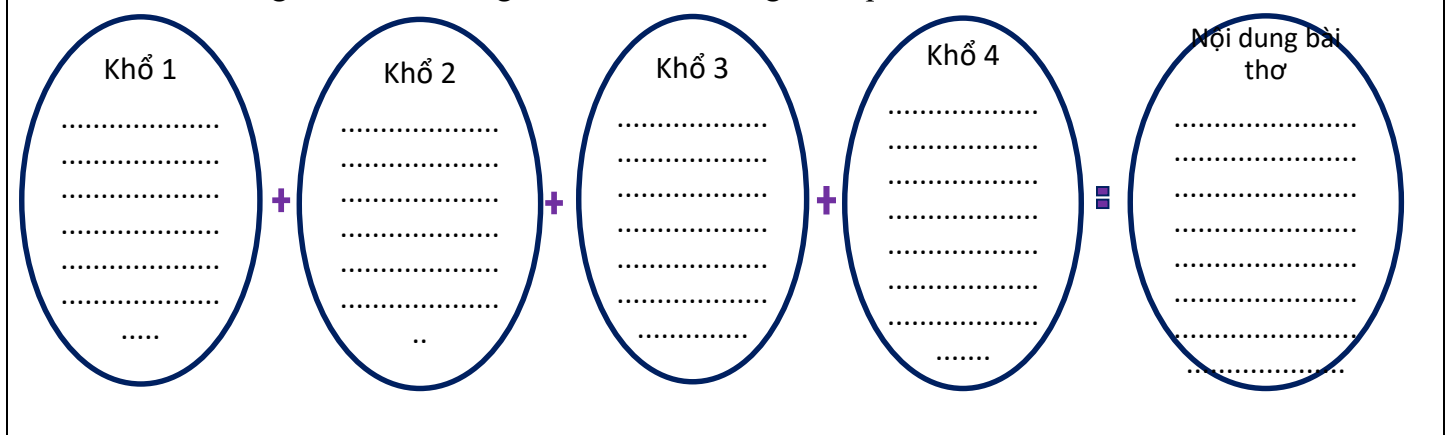
(Huy Cận)

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

- 2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm
- 2.2. Hoạt động đọc

Xác định nội dung chính của từng khổ thơ, nội dung bao quát của bài thơ và điền vào sơ đồ sau:



3. Sau khi đọc

3.1. Nhan đề và lời đề từ

a. Nhan đề :

- Trăng giang – sông dài - Cách đặt nhan đề: Vần “ang” trong từ “trăng giang” gợi lên hình ảnh một con sông không những dài mà còn rộng mênh mông. Hình ảnh đó gợi lên âm hưởng trầm buồn, man mác cho toàn bộ bài thơ.

b. Lời đề từ :

- *Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*- Khắc họa nỗi buồn, sự luyến tiếc, xen lẫn nhớ thương (*bâng khuâng*) trước cảnh vũ trụ bao la, bát ngát (*trời rộng, sông dài*).

3.2. Những đặc sắc về nghệ thuật

- Vần và nhịp

KHỔ THƠ	VẦN/NHỊP	CẢM XÚC
Khổ 1		
Khổ 2		
Khổ 3		

Khô ² 4		
--------------------	--	--

3.3. Hình ảnh biểu tượng

3.4. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo

3.5. Phong cách sáng tác bài thơ

4. Liên hệ, mở rộng: *Tìm hiểu một số đặc điểm của thơ lãng mạn được thể hiện qua bài thơ*

a. Những điểm tương đồng và khác biệt trong khổ thơ cuối:

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Điểm tương đồng		
Điểm khác biệt		

b. Những điểm khác biệt về đề tài và hình thức thể loại giữa hai bài thơ:

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Vần, nhịp		
Từ ngữ, hình ảnh		
“Cái tôi” trữ tình		

5. Tổng kết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Vẽ 1 bức tranh hoặc viết 1 đoạn văn thể hiện cảm nhận riêng về hình tượng “cánh chim chiều” trong bài Tràng Giang hoặc “hạc vàng bay đi” trong Hoàng hạc lâu.

2. Tóm tắt một số đặc điểm và cách đọc thơ cổ điển và lãng mạn:

Một số lưu ý về cách đọc VB thơ nói chung:

- Tìm các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu → suy luận ý nghĩa của chúng.
- Phân tích bố cục → làm rõ mạch cảm xúc → cảm hứng chủ đạo.

– Phân tích nét đặc sắc của hình thức nghệ thuật (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ, cách triển khai mạch cảm xúc,...) → làm rõ tác dụng đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm. – Phân tích nét độc đáo của kết cấu tác phẩm. – Khái quát về chủ đề, thông điệp → làm rõ chủ đề, thông điệp được thể hiện qua những yếu tố hình thức.		
Thơ cổ điển	Đặc điểm: – <i>Đề tài và cảm hứng:</i> Những tư tưởng đạo lí, lí tưởng sống có tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực. – <i>Nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ:</i> tính tao nhã, ước lệ; sử dụng nhiều điển cố, điển tích; tôn trọng các chuẩn mực và quy phạm (ví dụ: tuân thủ chặt chẽ niêm luật, bố cục, nghệ thuật đối,...).	Cách đọc: Cần chú ý thêm: – Xác định và phân tích thi luật (thể thơ, bố cục, cách gieo vần, nghệ thuật đối lập,...). – Tìm và phân tích ý nghĩa của các hình ảnh ước lệ, tượng trưng, điển cố, điển tích → làm rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả (tả cảnh ngụ tình, ý tại ngôn ngoại).
Thơ lãng mạn	Đặc điểm: – <i>Đề tài và cảm hứng:</i> Tình cảm chủ quan và trí tưởng tượng bay bổng của tác giả (hiện thực được miêu tả một cách chủ quan thông qua lăng kính tình cảm, cảm xúc và trí tưởng tượng). – <i>Nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ:</i> sự phóng khoáng, tự do, bay bổng, phá vỡ các chuẩn mực và quy phạm.	Cách đọc: Cần chú ý thêm: – Tìm những từ ngữ thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình. – Tìm những từ ngữ thể hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình → suy luận ý nghĩa của chúng.

.....

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3: XUÂN DIỆU
 (Hoài Thanh – Hoài Chân)

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.1. Giới thiệu về Xuân Diệu:

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Đặc điểm sáng tác của Xuân Diệu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.3. So sánh với hình ảnh trong thơ Vương Bột

.....

.....

.....

.....

.....

...

2. LUYỆN TẬP

Đọc thêm các bài thơ khác của phong trào Thơ mới để so sánh với phong cách thơ Xuân Diệu

[illegible]

3. VẬN DỤNG – LIÊN HỆ

Lựa chọn một bài thơ khác của Xuân Diệu và chỉ ra những đặc điểm tương ứng với lời bình của Hoài Thanh

[illegible]

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 4: TIẾNG THU
(Lưu Trọng Lư)

1. Hoạt động trước khi đọc
2. Hoạt động đọc
 - 2.1. Tác giả, tác phẩm
 - 2.2. Đọc văn bản
3. Sau khi đọc
 - 3.1. Chủ thể trữ tình của bài thơ:

3.2. Nhan đề *Tiếng thu* :

3.3. Hình ảnh biểu tượng

3.4. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo

A

3.5. Phong cách sáng tác bài thơ

4. Luyện tập

So sánh Tiếng thu với bài thơ Thu vịnh

	<i>Thu vịnh</i>	<i>Tiếng thu</i>
Cách cảm nhận và gọi tả bức tranh mùa thu		

<i>Cách thể hiện tình cảm, tâm trạng của chủ thể trữ tình</i>		

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG

- 1. Những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng (sgk)**
2. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1:

Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng	Ngữ liệu a	Ngữ liệu b	Ngữ liệu c	Ngữ liệu d
Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái trang nghiêm, tôn kính, tao nhã,...				

Không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ	
Thường sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng	

Bài tập 2: Nhận xét về ngôn ngữ của hai nhân vật Tuấn và Quỳnh trong đoạn trích:

.....

.....

.....

.....

Bài tập 3:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 4:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Từ đọc đến viết

Vận dụng được tri thức về chủ điểm *Những sắc điệu thi ca*, đặc điểm của thơ cổ điển và lãng mạn, các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng để viết đoạn văn ngắn chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bản thân yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

1. Tri thức về kiểu bài.

Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ theo yêu cầu của đề bài
Bố cục viết kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ:

- **Mở bài:** Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.
- **Thân bài:** Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.
- + Dùng lí lẽ + dẫn chứng phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ:
 - ✓ Về nội dung: Đề tài, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề; tư tưởng, thông điệp.
 - ✓ Về hình thức: Thể thơ; từ ngữ, hình ảnh; vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình, phong cách sáng tác...
- + So sánh đánh giá điểm tương đồng và khác biệt của 2 tác phẩm về: Hoàn cảnh sáng tác, bối cảnh xã hội, thời đại, phong cách nghệ thuật của tác giả... để nêu ra nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt.
- **Kết bài:** Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

b. Khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần lưu ý:

- Về nội dung: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm **theo yêu cầu của đề bài**; kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm.
- Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như: sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; lập luận chặt chẽ; sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt mạch lạc;

Yêu cầu đối với kiểu bài	Phân tích ngữ liệu tham khảo
Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.	
Thân bài: - Luận điểm 1: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng - Luận điểm 1: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm khác biệt	
Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.	

3. Lí thuyết về quy trình viết

Quy trình viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Quy trình viết	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	– Chọn hai bài thơ có cùng phong cách cổ điển hoặc phong cách lãng mạn của hai tác giả/ lựa chọn hai bài thơ khác nhau về phong cách sáng tác của hai tác giả. – Thu thập tư liệu liên quan đến hai tác phẩm từ các nguồn đa dạng, uy tín, ghi chép nguồn tư liệu.
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	- Ghi các ý về đặc điểm giá trị nội dung và nghệ thuật của từng tác phẩm, điểm tương đồng giữa hai tác phẩm/ nét đặc sắc về phong cách sáng tác của hai tác phẩm. – Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự phù hợp.
Bước 3: Viết bài	Viết bài dựa trên định hướng của bảng kiểm.
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	– Điều chỉnh dựa vào bảng kiểm. – Rút ra bài học kinh nghiệm.

4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

(1) Tím ý

PHIẾU TÌM Ý: Bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

1. Đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ:

[illegible]

Giá trị nghệ thuật		
--------------------	--	--

2. Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ:

– Điểm tương đồng thứ nhất (lí lẽ + bằng chứng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Điểm tương đồng thứ hai (lí lẽ + bằng chứng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Điểm khác biệt giữa hai tác phẩm thơ:

– Điểm khác biệt thứ nhất (lí lẽ + bằng chứng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Điểm khác biệt thứ hai (lí lẽ + bằng chứng)

.....

.....

3. Nguyên nhân của sự khác biệt:**4.Đánh giá sự đặc sắc về phong cách sáng tác của hai tác phẩm thơ:****(2) Lập dàn ý dựa trên phiếu tìm****(3) Viết bài:**

A blank sheet of white paper with horizontal dotted lines.

4. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***Bảng kiểm đánh giá bài viết***

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)		
	Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá		
Thân bài	Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm		
	Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm		
	Nêu nguyên nhân của sự khác biệt		
	Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về hai tác phẩm		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm		
	Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và bảo đảm mạch lạc cho bài viết		

PHẦN V: NÓI VÀ NGHE***SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ*****1. Hoạt động chuẩn bị nói****1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

.....

.....

.....

.....

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

2. Cách thức thực hiện và đánh giá kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

- Khi tìm ý và lập dàn ý bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, bạn cần lưu ý điều gì?
– Để bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ thu hút người nghe, bạn cần làm những gì?

[illegible]

3..Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

[illegible]

4. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 1

1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập**Câu 1:** Sắp xếp các tác phẩm đã học trong bài học theo Lịch sử/ tiến trình văn học

.....

.....

Câu 2:

Tác giả	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn
Thôi Hiệu		
Huy Cận		
Lưu Trọng Lư		

Câu 3: Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng thể hiện qua đoạn trích:

Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng	Ngữ liệu
Ngôn ngữ trang trọng (tao nhã, mang tính ước lệ, tượng trưng)	
Không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ	

Câu 4: Lưu ý khi thực hành bài viết, nói

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Cách cảm nhận, tái hiện thế giới và con người của các tác giả

.....

.....

2. Từ đọc đến viết

Hình thức	Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.
Dung lượng	Khoảng 200 chữ.
Đề tài	Chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.
Yêu cầu	– Sử dụng ngôn ngữ trang trọng. – Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

.....

BÀI 2

NHỮNG Ô CỬA NHÌN RA CUỘC SỐNG **(TRUYỆN HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN)**

PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Phong cách lãng mạn và phong cách hiện thực

	Phong cách lãng mạn	Phong cách hiện thực
Đề tài		
Cảm hứng		
Nghệ thuật		

2. Tính chỉnh thể của tác phẩm

Chỉnh thể tác phẩm	Nội dung	Hình thức
-------------------------------	--	---

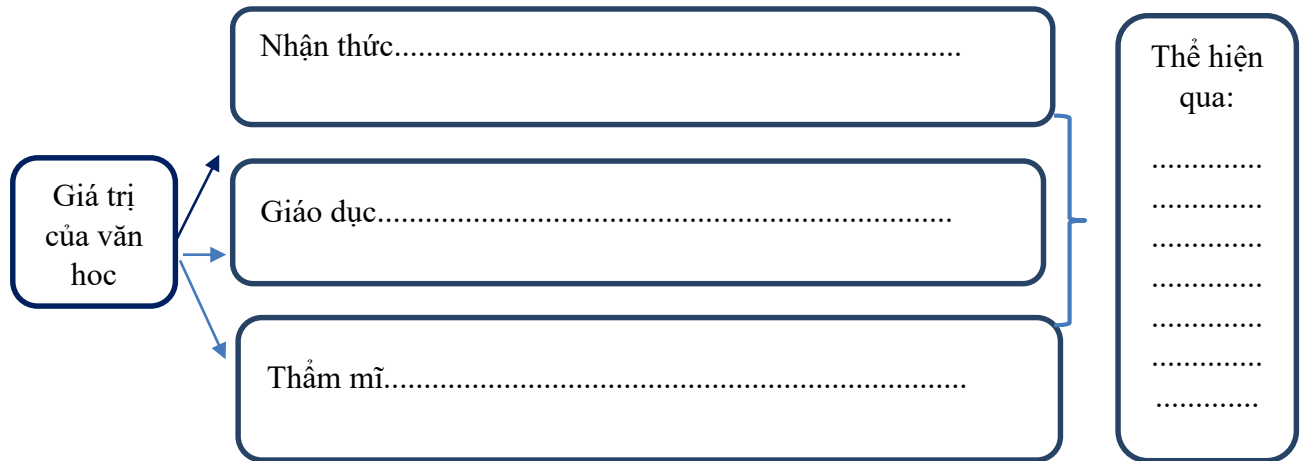
3. Sự kiện trong tác phẩm truyện

Sự kiện trong tác phẩm truyện

.....

.....

5. Các giá trị của tác phẩm văn học



PHẦN II. ĐỌC

Văn bản 1: LÃO HẠC (Nam Cao)

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2: Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Đặc điểm của truyện ngắn và tính chỉnh thể của tác phẩm

3.1.1. Cốt truyện

Xác định các **sự kiện chính** của truyện ngắn Lão Hạc. Vẽ sơ đồ tóm tắt các sự kiện chính theo trật tự thời gian (giới thiệu, diễn biến, kết thúc).

[illegible]

3.1.2. Nhân vật**- Lão Hạc**

Nêu một số nét **tính cách** nổi bật của **nhân vật lão Hạc** và cho biết những chi tiết nào thể hiện tính cách đó?

Tính cách	Chi tiết thể hiện
Nhân hậu, giàu lòng yêu thương	
Tự trọng	

- Nhân vật ông giáo.

Thời điểm	Chi tiết, từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm nhận của ông giáo về lão Hạc	
Khi nghe lão Hạc nói dự định bán chó		
Khi nghe lão Hạc nói đã bán chó		
Khi lão Hạc ăn khoai ráy qua ngày		
Khi nghe Binh Tư nói		
Khi chứng kiến cái chết của lão Hạc		

➔ Nhận xét về thái độ, tình cảm của ông giáo đối với lão Hạc:

.....
.....

- Đọc đoạn văn sau thể hiện quan niệm của ông giáo về vấn đề gì? Ông đã “cố tìm mà hiểu” như thế nào? “*Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ố... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương..*” (Lão Hạc).

Gợi ý: Trước khi ông giáo có suy nghĩ ấy, sự kiện gì đã xảy ra?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.3. Ngôi kể và điểm nhìn

- Truyện được kể từ ngôi kể thứ

- Điểm nhìn

- Tác dụng của việc lựa chọn điểm nhìn này

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Giá trị của tác phẩm văn học qua truyện ngắn Lão Hạc

- Hoàn cảnh sống của lão Hạc:

.....

.....

.....

- Mối liên hệ giữa tính cách và hoàn cảnh:

.....

.....

.....

.....

.....

- Cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Đặc điểm của phong cách hiện thực qua truyện ngắn Lão Hạc

	Phong cách hiện thực	Thể hiện trong <i>Lão Hạc</i>
Đề tài	Đời sống và môi trường xã hội đương thời	
Cảm hứng	Phê phán, bóc trần những tiêu cực của thực tại	
Nghệ thuật	Có xu hướng khắc hoạ chính xác, tỉ mỉ những bức tranh chân thực về cuộc sống và môi trường xã hội, những nhân vật điển hình cho một hoàn cảnh, tính cách, số phận trong xã hội	

4.. Liên hệ, mở rộng:

Sưu tầm 01 truyện ngắn khác thuộc phong cách hiện thực viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng Tháng tám. Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và tác phẩm vừa sưu tầm ở trên

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

6. Tổng kết:

.....

.....

.....

.....

7. Luyện tập:

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về phẩm chất cao đẹp của nhân vật lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.

[illegible]

.....

Văn bản 2: HAI ĐỨA TRẺ (Thạch Lam)

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Đặc điểm của truyện ngắn và tính chỉnh thể của tác phẩm

3.1.1. Cốt truyện

Tóm tắt các sự kiện chính theo trật tự thời gian và rút ra nhận xét về cách xây dựng cốt truyện trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*

Trình tự thời gian	Sự kiện chính
Giới thiệu	
Diễn biến	
Kết thúc	
→ Nhận xét cách xây dựng cốt truyện:	

3.1.2. Sự kiện, chi tiết tiêu biểu

- Bức tranh phố huyện được miêu tả theo trình tự thời gian: Khi chiều về -> Khi đêm xuống > Về khuya (khi đoàn tàu đêm đến và đi qua).

– Thể hiện qua các chi tiết:

a. Bức tranh phố huyện lúc chiều tà

.....

[illegible]

b. Bức tranh phố huyện khi đêm xuống

[illegible]

b. Bức tranh phố huyện về khuya (khi đoàn tàu đêm đến và đi qua)

[illegible]

3.1.3. Ngôi kể và điểm nhìn

- Truyện được kể từ ngôi kể thứ

.....

- Điểm nhìn

.....

- Tác dụng của việc lựa chọn điểm nhìn này:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.4. Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm truyện ngắn Hai đứa trẻ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.5. Một số hình ảnh, chi tiết xuất hiện nhiều lần trong văn bản

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Giá trị của tác phẩm văn học qua truyện ngắn Hai đứa trẻ

- Giá trị nhân văn:

.....

.....

.....

.....

- Giá trị thẩm mỹ:

.....

.....

.....

.....

3.3. Đặc điểm của phong cách văn học qua truyện ngắn Hai đứa trẻ

Hai đứa trẻ vừa được viết theo phong cách lãng mạn, vừa được viết theo phong cách hiện thực vì có những căn cứ sau:

- Đề tài và cảm hứng:

.....

.....

.....

.....

.....

- Cách tổ chức hình ảnh, chi tiết, nhân vật:

.....

.....

.....

.....

.....

4. Liên hệ, mở rộng:

Hoàn tất bảng sau bằng cách đánh dấu xác định phong cách sáng tác của tác giả, tác phẩm

Tên tác giả	Tên tác phẩm	Phong cách lãng mạn	Phong cách hiện thực
Thạch Lam	<i>Dưới bóng hoàng lan, Nắng trong vườn,...</i>		
Vũ Trọng Phụng	<i>Số đỏ, Giông tố,...</i>		
Nam Cao	<i>Lão Hạc, Chí Phèo,...</i>		

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

Văn bản 3: LÁ DIÊU BÔNG

(Hoàng Cầm)

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.1. Hai đoạn thơ đầu

- Hình ảnh của chị:

.....

- Tâm tư của chị :

.....

- Cảm xúc của chủ thể trữ tình “em”:

.....

=> Nội dung:

.....

1.2. Bốn đoạn thơ tiếp theo

- Phép điệp cấu trúc: “.....”

- Phép liệt kê

.....

- Tác dụng:

.....

- Phản ứng và cảm xúc của người chị qua các đoạn thơ:

.....

1.3. Ý nghĩa biểu tượng của Lá diêu bông

.....

2. LUYỆN TẬP

Điều anh/chị ấn tượng nhất trong bài thơ *Lá diêu bông* là gì? Hãy trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn (khoảng 200 chữ).

.....

[illegible]

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Văn bản 4: CUỘC GẶP GỠ TÌNH CỜ

(Trích từ truyện Đêm mười ba của Hi-gu-chi I-chi-y-ô)

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.1. Những sự kiện chính của văn bản

[illegible]

1.2. So sánh số phân của hai nhân vật Ô-sê-ki và Rô-ku-nô-su-kê

- Điểm giống nhau:

.....

.....

.....

.....

.....

- Điểm khác biệt:

[illegible]

- Nhận xét:

[illegible]

1.3. Phong cách sáng tác của văn bản

.....

.....

.....

2. LUYỆN TẬP

Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn bản

[illegible]

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

1. Lỗi câu mơ hồ.

- Câu mơ hồ là:

.....

- Phân loại và cách sửa:

+ Mơ hồ từ vựng:

.....
.....
.....

+ Mơ hồ cấu trúc:

.....
.....

+ Mơ hồ logic:

.....
.....

2. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Phân tích lỗi câu mơ hồ trong các trường hợp sau và nêu cách sửa

a. Ba cô gái sống gần nhà tôi vừa trúng số tôi qua.

.....
.....

b. Chị ấy đã gặp con.

.....
.....

c. Cả nhà hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm.

.....
.....

d. Nó khoe với tôi chiếc xe đạp mới mua hôm qua.

.....
.....

đ. Tuần trước, tôi nhìn thấy anh ấy trên đường đến thư viện.

.....
.....

e. Hôm qua, tôi rất bất ngờ về món quà của cô ấy.

.....
.....

Bài tập 2: Chỉ ra điểm chung về lỗi mơ hồ trong những câu dưới đây và đề xuất phương án sửa phù hợp

a. Đây là phương thuốc độc nhất trên đời.

.....

.....

b. Cây khế đầu hè đã chết rồi.

.....

.....

Bài tập 3: Suu tầm 03 câu mơ hồ và nêu cách sửa

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 4: Đọc đoạn trích sau

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng bến cô liêu

(Huy Cận, *Tràng giang*)

a. Theo bạn, dòng thơ in đậm ở trên có thể được hiểu theo những cách nào?

.....

.....

b. Đây có phải lỗi câu mơ hồ không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

3. Từ đọc đến viết

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của ước mơ trong cuộc sống con người. Sau đó, kiểm tra lại để đảm bảo đoạn văn không mắc lỗi câu mơ hồ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

1. Tri thức về kiểu bài

1. Kiểu bài: Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.

2. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.
- Có thể phân tích, trao đổi với những ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.

3. Bố cục gồm 3 phần:

- + Mở bài: Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.
- + Thân bài: Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.
- + Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.

2. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo)

Yêu cầu đối với kiểu bài	Phân tích ngữ liệu tham khảo
Mở bài:	
Giới thiệu	
vấn đề cần	
bàn luận,	
quan điểm	

của người viết về vấn đề.	
Thân bài:	
1. Giải thích khái niệm:	
2. Luận điểm: Trách nhiệm với Tổ quốc được đặt ra với những người trẻ tuổi	
+ Lí lẽ 1:	
+ Lí lẽ 2:	
+ Bằng chứng 1:	
+ Bằng chứng 2:	
3. Phê phán:	
4. Giải pháp:	
Kết bài:	
Khẳng định lại vấn đề và tóm tắt phương hướng hành động.	

3. Hướng dẫn qui trình viết

PHIẾU CHUẨN BỊ VIẾT – Bạn sẽ chọn nghị luận về đề tài gì? – Vì sao bạn lại chọn đề tài ấy? Đề tài ấy có khơi gợi được sự hứng thú, quan tâm của người đọc không? Vì sao?
--

- Bạn sẽ viết bài văn này cho ai đọc, nhằm mục đích gì?
-
- Với đối tượng và mục đích ấy, bạn nên chọn cách viết như thế nào cho hiệu quả?
-

(2) Thu thập tư liệu cho bài viết theo những gợi ý sau:

- Bạn tìm tư liệu, ý tưởng cho bài viết xoay quanh những nội dung nào?
-
- Bạn tìm loại tư liệu gì? Ở đâu?
- Kết quả thu thập tư liệu của bạn:

STT	Tên tư liệu	Loại tư liệu	Nguồn	Cơ sở đánh giá độ tin cậy	Thông tin của tư liệu cần cho bài văn thuyết minh
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...

4. Dàn ý kiểu bài

Các phần	Nội dung chi tiết
Mở bài	– Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận: – Trình bày khái quát quan điểm của người viết về vấn đề bàn luận:
Thân bài	– Giải thích vấn đề cần bàn luận: – Luận điểm..... + Lí lẽ 1:..... + Lí lẽ 2:..... + Bằng chứng 1:..... + Bằng chứng 2:..... – Trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề (nếu có): – Đề xuất giải pháp phù hợp để thực hiện/ giải quyết vấn đề
Kết bài	– Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề: – Đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp:

5. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận		
	Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận		
Thân bài	Giải thích được vấn đề cần bàn luận		
	Thể hiện được quan điểm của người viết bằng hệ thống luận điểm		
	Nêu được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Nêu được bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ		
	Đưa ra lập luận hợp lí để trao đổi với những biểu hiện tiêu cực/ ý kiến trái chiều		
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của bản thân		
	Đề xuất giải pháp/ bài học phù hợp		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Mở bài kết bài gây ấn tượng		
	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ hợp lí		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, viết câu...)		

6. Luyện tập:

Đề bài: Nhằm chào mừng ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Câu lạc bộ Truyền thông của Đoàn trường tổ chức cuộc thi viết có nội dung bàn về Vấn đề xã hội với tuổi trẻ hôm nay. Để hưởng ứng cuộc thi, hãy viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ mà bạn quan tâm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

[illegible]

PHẦN V: NÓI VÀ NGHE
TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

1. Hoạt động chuẩn bị nói

1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

.....

.....

.....

.....

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

[illegible]

[illegible]

2. Trình bày bài nói

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Người thuyết trình chào người nghe và tự giới thiệu		
	Giới thiệu vấn đề thuyết trình		
	Nêu khái quát nội dung bài thuyết trình		
Thân bài	Giải thích được khái niệm và các biểu hiện của vấn đề		
	Phân tích được vấn đề		
	Trình bày được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ các luận điểm		
	Rút ra được ý nghĩa, bài học cụ thể, thiết thực về nhận thức và hành động liên quan đến vấn đề		

Kết bài	Tóm tắt và khẳng định được nội dung thuyết trình		
	Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe		
	Cảm ơn và chào kết thúc		
Kỹ năng trình bày diễn đạt	Sắp xếp các ý hợp lí		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu		
	Trình bày chân thành, tác động đến người nghe		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung thuyết trình sáng tạo		
	Mở đầu/ kết thúc gây ấn tượng		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe		

3. Hoạt động chuẩn bị nghe

1.1. Hoạt động xác định đề tài, đối tượng thuyết trình

.....

.....

.....

1.2. Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Trình bày bài nghe

Bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét đánh giá bài thuyết trình về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình		
Trong khi	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình		

	Ghi chép tóm tắt nội dung bài thuyết trình bằng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý		
	Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình		
	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận		
Sau khi nghe	Sử dụng kỹ thuật PMI để nhận xét, đánh giá về những ưu điểm, hạn chế về nội dung và cách thức thuyết trình		
	Lịch sự, tích cực khi trao đổi (chờ đến lượt, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói)		
	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi		

4. Trao đổi, nhận xét, đánh giá

.....

.....

.....

PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 2

1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập

Câu 1 (sgk tr 66): Lập bảng để tóm tắt, hệ thống những vấn đề như đề tài, câu chuyện, nhân vật trong hai truyện ngắn Lão Hạc (Nam Cao) và Hai đứa trẻ (Thạch Lam).

Truyện Ngắn	Đề Tài	Câu Chuyện	Nhân Vật Chính
Lão Hạc			
Hai đứa trẻ			

Câu 2 (sgk tr 66): Lập bảng tóm tắt tri thức về phong cách cổ điển, phong cách hiện thực và phong cách lãng mạn (đã học ở Bài 1 và Bài 2).

Phong cách	Đặc điểm	Thời gian	Tác giả, tác phẩm tiêu biểu
Cổ điển			

Lãng mạn			
Hiện thực			

Câu 3 (sgk tr 66): Phân tích lỗi câu mơ hồ trong các trường hợp sau và nêu cách sửa

a. Nó đưa cho cô giáo chủ nhiệm lớp ba cuốn truyện tranh mới mua hôm qua.

.....

.....

b. Nam nói với Sơn bức tranh của cậu ấy rất đẹp.

.....

.....

Câu 4 (sgk tr 66): Chia sẻ ít nhất một kinh nghiệm mà theo bạn là hữu ích để tạo tính thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

.....

.....

Câu 5 (sgk tr 66): Khi thuyết trình về một vấn đề xã hội liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, bạn cần chú ý điều gì để thu hút sự quan tâm của người nghe. Khi nghe một bài thuyết trình, muốn nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình, bạn nên lưu ý điều gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6 (sgk tr 66): Bạn có suy nghĩ gì về những ô cửa nhìn ra cuộc sống mà các văn bản trong bài mang đến? Bạn rút ra được những liên hệ gì khi đối chiếu giữa tác phẩm văn học và cuộc sống xung quanh?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3
SÔNG NÚI LINH THIÊNG
 (Truyện truyền kì, Văn tế)

PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. củng cố kiến thức về yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì

Truyện truyền kì	Đặc điểm
<i>Đề tài</i>	
<i>Không gian, thời gian</i>	
<i>Nhân vật</i>	
<i>Yếu tố kì ảo/ cốt truyện</i>	

2. Yếu tố kì ảo trong truyện

Tác dụng của yếu tố kì ảo	Truyện dân gian	Truyện truyền kì	Truyện hiện đại
Nét chung			
Nét riêng			

PHẦN II. ĐỌC

VĂN BẢN 1: CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN
 (Nguyễn Dữ)

1. Trước khi đọc
2. Đọc văn bản
 - 2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm
 - 2.2. Hoạt động đọc
3. Sau khi đọc

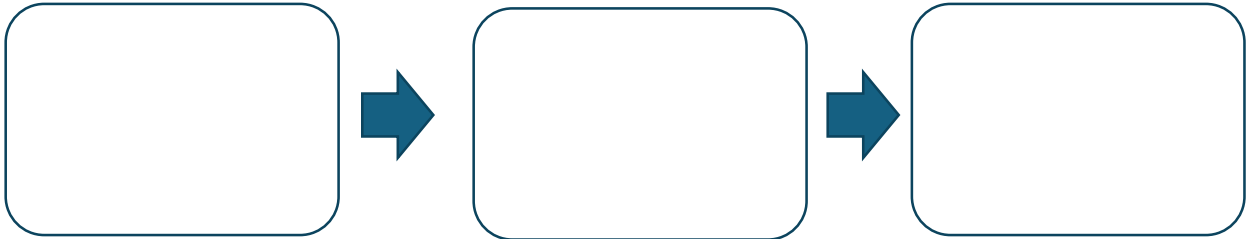
3.1. Đề tài, chi tiết tiêu biểu, chuỗi hành động/ sự kiện và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm

TÌM HIỂU ĐỀ TÀI, CHI TIẾT TIÊU BIỂU, SỰ KIỆN

a. Đề tài của truyện là:

.....

b. Tóm tắt chuỗi hành động/ sự kiện trong truyện theo sơ đồ sau:



c. Mối quan hệ giữa chuỗi hành động/ sự kiện là:

.....

- Bình luận về một trong hai chi tiết (a hoặc b) đã nêu trong SGK, tr. 74):

.....

3.2. Tính cách của nhân vật Ngô Tử Văn

Người kể chuyện và những người ở vùng Bắc nhận xét thế nào về tính cách Tử Văn:

.....

Liệt kê một số chi tiết thể hiện hành động và lời nói của Tử Văn:

.....

Tính cách nhân vật Tử Văn:

.....

Tử Văn tiêu biểu cho những người thuộc tầng lớp

3.3. Đánh giá cách kết thúc truyện và lời bình của người kể chuyện.

Cách kết thúc truyện:	➔	Lời bình của người kể chuyện:
--	---	--

3.4. Xác định chủ đề của truyện

.....

.....

.....

3.5. Đặc điểm truyện truyền kì

ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN TRUYỀN KÌ		
Các yếu tố trong truyện truyền kì	Thể hiện trong VB <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>	Nhận xét
Đề tài		
Không gian/ thời gian		
Nhân vật		
Yếu tố kì ảo/ cốt truyện		

3.6. Thái độ, quan điểm của tác giả về hiện thực đời sống xã hội đương thời:

.....

.....

.....

4.. Liên hệ, so sánh

SO SÁNH CÁCH SỬ DỤNG YẾU TỐ KÌ ẢO			
Tác phẩm	Yếu tố kì ảo	Nhận xét cách sử dụng yếu tố kì ảo	
		Tương đồng	Khác biệt
<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>			

Truyện cổ tích thần kì, ví dụ: <i>Ăn khế trả vàng</i> , <i>Thánh Gióng</i> , <i>Sọ Dừa</i> ,...			

5. Tổng kết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6.. Luyện tập: Sân khấu hóa tác phẩm

Hướng dẫn lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học

Thông tin và ý tưởng	Nội dung
Các thông tin về tác phẩm gốc	Nhan đề tác phẩm
	Thể loại tác phẩm
	Tên tác giả/ thể loại gốc và các thông tin liên quan (nguồn/ xuất xứ,...)
Ý tưởng chuyển thể	Dự kiến số màn/ cảnh
	Dự kiến số lượng nhân vật
	Dự kiến cách bài trí sân khấu
	Định hướng về chủ đề, thông điệp mà kịch bản sẽ thể hiện
	Dự kiến nhan đề cho kịch bản
	Dự kiến bố cục tổng thể (số màn/ cảnh, nhân vật,...)
	Định hướng dẫn dắt xung đột, giải quyết mâu thuẫn, xung đột
	Dự kiến cách biểu đạt hành vi, giọng nói nhân vật cho một số cuộc thoại/ lời thoại quan trọng.

Văn bản 2
VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC
(Nguyễn Đình Chiểu)

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu tác giả (sgk trang 80)

2.2. Tác phẩm

a. Đọc tri thức phần Văn tế (SGK, tr. 68), điền vào sơ đồ sau:

Mục đích viết văn tế:

Bố cục bài văn tế	Bố cục bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>	Nội dung từng phần

b. Hoàn cảnh ra đời của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*: Tháng 12 năm 1861, một đội nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã anh dũng tấn công đồn giặc Pháp ở chợ huyện, tiêu diệt được một số sĩ quan và quân lính giặc. Nhưng vì trang bị quá thô sơ, hơn hai mươi nghĩa sĩ đã hi sinh. Tinh thần xả thân cứu nước của họ đã tạo nên niềm xúc động mạnh mẽ. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu viết bài văn tế này để đọc tại lễ truy điệu của những người nghĩa sĩ. Bài văn tế gây xúc động sâu sắc trong nhân dân và được lưu truyền khắp cả nước ta.

2.2: Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc**3.1. Vẽ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ****HÌNH TƯỢNG NGƯỜI NGHĨA SĨ**

- Hình ảnh người nghĩa sĩ trong hai câu đầu:

.....

.....

.....

.....

.....

- Đặc điểm hình tượng người nghĩa sĩ thể hiện trong câu 3 - 15

Đặc điểm hình tượng người nghĩa sĩ	Chi tiết thể hiện	Nhận xét
------------------------------------	-------------------	----------

<i>Hoàn cảnh xuất thân</i>		
<i>Điều kiện chiến đấu</i>		
<i>Động lực, động cơ chiến đấu</i>		
<i>Hành động xung trận và tinh thần chiến đấu</i>		
- Những điểm đặc sắc trong cách miêu tả, thể hiện hình tượng người nghĩa sĩ: 		

3.2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả và nhân dân với người nghĩa sĩ Cần Giuộc

.....

.....

.....

.....

3.3. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Câu 5)

.....

.....

III. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

- Suu tầm một số tác phẩm của tác giả Nguyễn Đình Chiểu

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3: *VỊNH TẢN VIÊN SƠN*
(Cao Bá Quát)

I. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.. Khái quát vẻ đẹp của núi Tản Viên:

2. Một số biểu hiện về tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân đỉnh núi ấy

3. Thông điệp

4. Một số biểu hiện cho thấy sự thống nhất giữa hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ

II. Luyện tập:

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI CÂU SAI LOGIC VÀ CÁCH SỬA

1. Lỗi sai logic và cách sửa

PHIẾU HỌC TẬP: CÂU SAI LOGIC		
Các dạng lỗi	Ví dụ	Phân tích và cách sửa
.....		
.....		
.....		

2.Thực hành Tiếng Việt

Bài tập 1:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 3:

.....

.....

.....

.....

.....

3. Từ đọc đến viết

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong tác phẩm văn học.

.....

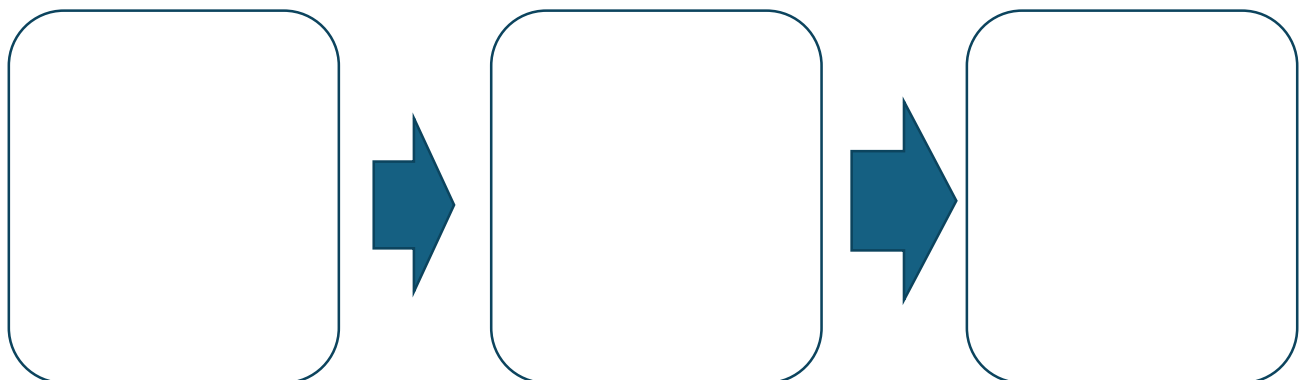
[illegible]

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
Văn bản 4: TRÊN ĐỈNH NON TẢN
(Nguyễn Tuân)

1. ĐỌC VĂN BẢN

1.1 Đề tài

1.2 Tóm tắt chuỗi sự kiện theo sơ đồ sau:



1.3. Chi tiết kì ảo

STT	Chi tiết về đồ vật, loài vật kì ảo	Chi tiết về nhân vật kì ảo và phép thuật	Tác dụng của yếu tố kì ảo
1			
2			

- Liệt kê tần suất xuất hiện của một số đồ vật kì ảo trong truyện:

STT	Đồ vật	Chi tiết/ câu văn	Số lần xuất hiện
1			
2			
3			
4			

1.4. Ý nghĩa của câu hát dân gian làm đề từ của tác phẩm.

.....

.....

.....

.....

1.5. Nhân vật Thần Non Tản

Những biểu hiện	Nhận xét
Ngoại hình:	
Lời thoại:	

Phong thái:	
Hành vi:	

2. So sánh nhân vật Thần Sơn Tinh và Thần Non Tản

So sánh	Thần Sơn Tinh (<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> – Nguyễn Nhược Pháp)	Thần Non Tản (<i>Trên đỉnh non Tản</i> – Nguyễn Tuân)
Điểm tương đồng		
Điểm khác nhau		

3. Chủ đề, cảm hứng và thông điệp của văn bản:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV: VIẾT
VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ
HAI TÁC PHẨM TRUYỆN/ KÍ HOẶC KỊCH

1. Tri thức về kiểu bài

Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch

Bố cục viết kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch

– **Mở bài:** Giới thiệu hai tác phẩm truyện và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.

– **Thân bài:** Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm.

+ Dùng lí lẽ + dẫn chứng phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ **điểm tương đồng/ điểm khác biệt**

✓ Về nội dung: Các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, chủ đề, tư tưởng, thông điệp.

✓ Về hình thức:

- Truyện: cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...
- Kịch: cốt truyện, hành động, xung đột, lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại,...
- Kí: từ ngữ, hình ảnh, lời văn,... tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết,...

+ So sánh đánh giá điểm tương đồng và khác biệt của 2 tác phẩm về: Hoàn cảnh sáng tác, bối cảnh xã hội, thời đại, phong cách nghệ thuật của tác giả... để nêu ra nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt.

– **Kết bài:** Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

b. Khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch cần lưu ý:

– Về nội dung: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm **theo yêu cầu của đề bài**; kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm.

– Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như: sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; lập luận chặt chẽ; sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt mạch lạc;

2. Phân tích kiểu văn bản

Đối chiếu phần Đọc ngữ liệu tham khảo và mục Tri thức về kiểu bài (Bài 1), thực hiện trả lời các câu hỏi sgk tr95, tr96.

Câu 1:

.....

.....

.....

.....

Câu 2:

.....

.....

Câu 3:

.....

.....

.....

.....

Câu 4:

.....

.....

.....

.....

Câu 5:

.....

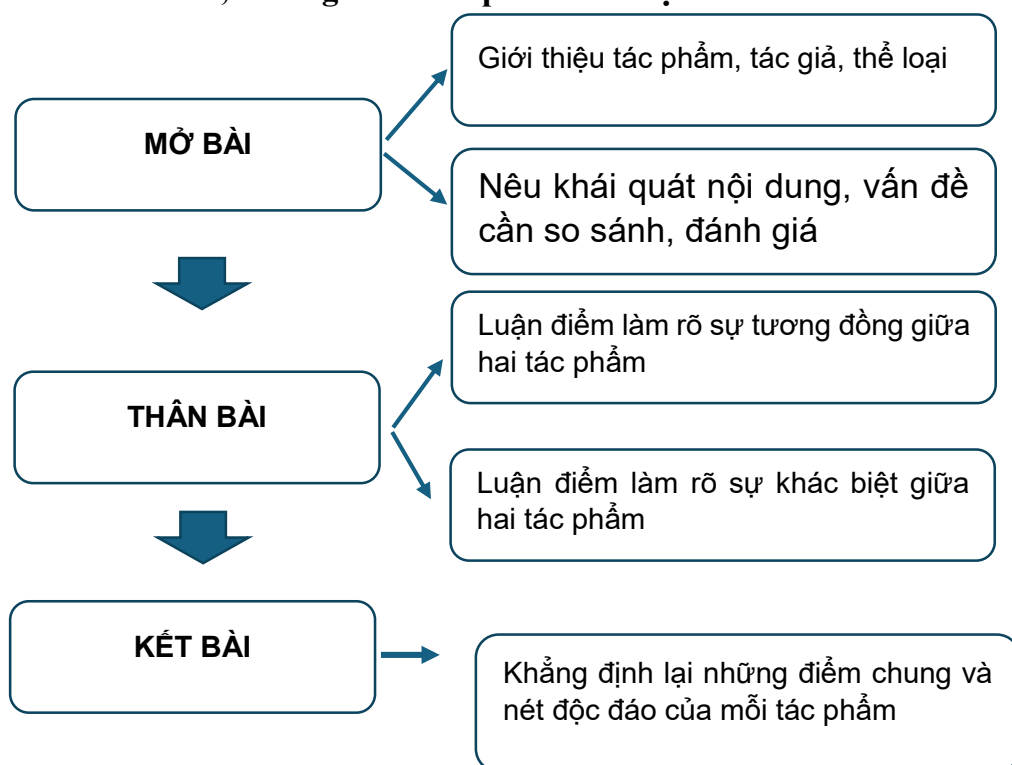
.....

.....

.....

.....

Sơ đồ kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học:



Sơ đồ dàn ý kiểu bài so sánh đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch

Các phần	<i>So sánh đánh giá hai tác phẩm kí</i>	<i>So sánh đánh giá hai tác phẩm truyện</i>	<i>So sánh đánh giá hai tác phẩm kịch</i>
Mở bài	Giới thiệu hai tác phẩm kí và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá	Giới thiệu hai tác phẩm truyện và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá	Giới thiệu hai tác phẩm kịch và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá
Thân bài	So sánh, đánh giá hai tác phẩm kí. Ví dụ: – Những điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung: đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng, thông điệp – Những điểm tương đồng/ khác biệt về hình thức:	So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Ví dụ: – Những điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp – Những điểm tương đồng/ khác biệt về hình	So sánh, đánh giá hai tác phẩm kịch. Ví dụ: – Những điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp – Những điểm tương đồng/ khác biệt về hình

	Kí trữ tình: Cách thể hiện nhân vật/ chủ thể trữ tình; cách liên tưởng, xây dựng hình ảnh biểu tượng, kết cấu, sử dụng từ ngữ, lời văn. Kí tự sự (phóng sự, hồi kí, nhật kí): tính chất phi hư cấu và việc sử dụng hư cấu, khi cần.	thức: cách xây dựng cốt truyện, sự kiện, nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn; kết hợp lời của người kể chuyện với lời của nhân vật,...	thức: cách xây dựng cốt truyện, nhân vật, xung đột, hành động phân cảnh/ lớp kịch; đối thoại, độc thoại,...
Kết bài	Khẳng định lại những điểm tương đồng, khác biệt quan trọng; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm kí .	Khẳng định lại những điểm tương đồng, khác biệt quan trọng; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm truyện.	Khẳng định lại những điểm tương đồng, khác biệt quan trọng; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm kịch.

3. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết

PHT số 1: Quy trình viết bài văn so sánh, phân tích hai tác phẩm văn học	
Quy trình viết	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	
Bước 3: Viết bài	
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	

4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

HS đọc và chọn một trong ba đề bài dưới đây để luyện tập

Đề 1: Hình tượng nhân vật Sơn Tinh trong hai tác phẩm *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân) và *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp).

Đề 2: Vai trò, tác dụng của yếu tố kì ảo trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) và *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân).

Đề 3: Cách xây dựng nhân vật bi kịch trong hai VB *Vĩnh biệt Cửu Trùng đài* (trích *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng) và *Sống hay không sống – đó là vấn đề* (trích *Hăm-lét*, U. Sếch-xpia).

Ví dụ về dàn ý minh họa cho Đề 1:

Mở bài:

Giới thiệu *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân) và *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp), nêu vấn đề nghị luận: điểm tương đồng, khác biệt giữa nhân vật Sơn Tinh trong hai tác phẩm.

Thân bài:

1. Những điểm tương đồng giữa nhân vật Sơn Tinh trong *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân) và trong *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)

- a. Lí lẽ và bằng chứng thứ nhất:...
- b. Lí lẽ và bằng chứng thứ hai: ...
2. Những điểm khác biệt giữa nhân vật Sơn Tinh trong hai tác phẩm *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân), trong *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) và đóng góp riêng ở mỗi tác phẩm
- a. Lí lẽ và bằng chứng thứ nhất:...
- b. Lí lẽ và bằng chứng thứ hai:...
3. Nguyên nhân dẫn đến những điểm tương đồng, khác biệt...
- a. Lí lẽ và bằng chứng thứ nhất: sự tương đồng do cùng liên quan đến nhân vật trong truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.
- b. Lí lẽ và bằng chứng thứ hai: sự khác biệt do đặc trưng thể loại, một bên là truyện ngắn sử dụng yếu tố kì ảo; một bên là thơ kết hợp tự sự với trữ tình.
- c. Lí lẽ và bằng chứng thứ ba: sự khác biệt xuất phát từ những nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Nguyễn Nhược Pháp.

Kết bài:

Khẳng định lại giá trị của mỗi tác phẩm *Trên đỉnh non Tân* (Nguyễn Tuân), *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp). Có thể nêu suy nghĩ cá nhân nảy sinh khi so sánh hai tác phẩm nêu trên (ví dụ: suy nghĩ về vai trò của văn hoá truyền thống trong sáng tạo nghệ thuật).

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM
TRUYỆN/ KÍ HOẶC KỊCH**

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)		
	Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá		
Thân bài	Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm		
	Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm		
	Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm (nếu cần)		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về hai tác phẩm		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm (truyện/ kí hoặc kịch)		
	Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả (nếu cần)		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu bố cục của kiểu bài		
	Sử dụng được một số mẫu câu so sánh; từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng		

2. Cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch

– Khi tìm ý và lập dàn ý bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch, bạn cần lưu ý điều gì?

– Để bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch thu hút người nghe, bạn cần làm những gì?

3..Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu		
	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)		
	Nêu khái quát nội dung cần so sánh đánh giá		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch		
	Trình bày ý kiến so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch		
	Thể hiện ý kiến đánh giá của người nói về phong cách sáng tác của hai của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch		
Kết thúc	Tóm tắt nội dung so sánh, đánh giá của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch		
	Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi		

PHẦN VI
ÔN TẬP BÀI 2

1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập

Câu 1: Tác dụng của yếu tố kì ảo trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* và *Trên đỉnh non Tản*. Đó là:

.....

.....

.....

Câu 2: Có thể tóm lược như sau:

Nhân vật, tác phẩm	Tình huống thách thức đối với nhân vật	Tác dụng
Ngô Tử Văn (<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>)		
Ông cụ phó Sằn và tốp thợ mộc (<i>Trên đỉnh non Tản</i>)		

Câu 3:

– *Giá trị nội dung:*

.....

.....

.....

– *Một số nét đặc sắc nghệ thuật:*

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4, 5, 6: HS trả lời dựa trên trải nghiệm cá nhân.

Câu 7:**2. Từ đọc đến viết đã chuẩn bị ở nhà.**

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong tác phẩm văn học.

BẢNG KIỂM KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Đảm bảo được cấu trúc của đoạn văn		
Đảm bảo được độ dài của đoạn văn		
Xác định được chủ đề của đoạn văn		
Triển khai được những nội dung chính của đoạn văn		
Chữ viết, chính tả, dùng từ đảm bảo tính chính xác		
Sáng tạo		

.....

BÀI 4

SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT (PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)

PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Điểm giống và khác nhau giữa phóng sự, nhật kí

	Phóng sự	Nhật kí
Giống nhau		
Khác nhau		

2. Tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí:

.....

.....

.....

.....

3. Chi tiết, sự kiện hiện thực:**Chi tiết, sự kiện hiện thực**

Khái niệm	Tác dụng của việc kết hợp giữa chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, đánh giá của người viết	Ví dụ

PHẦN II. ĐỌC
VĂN BẢN 1: CON GÀ THỜ
(Trích Phóng sự Việc làng- Ngô Tất Tố)

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2: Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Tính phi hư cấu, thủ pháp nghệ thuật, sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết trong phóng sự

3.1.1. Những dấu hiệu nhận biết văn bản thuộc thể loại phóng sự

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.2. Trình tự các sự kiện chính được kể trong VB

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.3. *Ngôi kể, điểm nhìn trong VB, tác dụng của ngôi kể, điểm nhìn*

.....

.....

.....

.....

.....

3.1.4. *Lời miêu tả, lời kể – Lời bàn luận*

Lời miêu tả, lời kể – Lời bàn luận	Tác dụng của cách kết hợp miêu tả với trần thuật
Ví dụ:	

3.1.5. *Chi tiết, sự kiện hiện thực*

Chi tiết, sự kiện hiện thực	Thái độ, đánh giá của người viết

3.2. *Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp của văn bản*

Khái niệm		VB <i>Con gà thờ</i>
Chủ đề	Là vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống.	
Cảm hứng chủ đạo	Là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể	

	hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.	
Thông điệp	Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà tác giả muốn gửi đến người đọc.	

3.3. Nội dung và nghệ thuật

Nghệ thuật phóng sự		Nội dung
Ngôi kể		– Chủ đề:
Điểm nhìn		– Cảm hứng chủ đạo:
Thủ pháp trần thuật, miêu tả		 – Thông điệp:
Cách sắp xếp chi tiết, sự kiện		

4. Liên hệ, mở rộng: Bài tập sáng tạo: Vẽ bức tranh về con gà thờ

- HS đăng sản phẩm lên trang Google Classroom của lớp, các HS khác và GV xem/ đọc, nhận xét dựa trên định hướng sau: Sự sáng tạo, sự hài hòa của màu sắc, đường nét.

5. Luyện tập: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) thể hiện được suy nghĩ sâu sắc của cá nhân về nhân vật "ông chủ".

[illegible]

[illegible]

VĂN BẢN 2
TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG HÀNH QUÂN
(Trích nhật kí Mỗi mỗi tuổi hai mươi – Nguyễn Văn Thạc)

- 1. Trước khi đọc**
- 2. Đọc văn bản**
 - 2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm
 - 2.2: Hoạt động đọc
- 3. Sau khi đọc**
 - 3.1. Một số yếu tố của nhật kí: tính phi hư cấu, thủ pháp nghệ thuật, sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết**
 - 3.1.1.Các biện pháp tu từ trong đoạn văn (thủ pháp nghệ thuật)**

<i>Biện pháp tu từ</i>	<i>Thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh..</i>	<i>Tác dụng</i>

3.1.2. Chi tiết, sự kiện hiện thực:

Một số chi tiết có tính xác thực	Tác dụng

3.1.3. Tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí: Xác định VB có sử dụng yếu tố hư cấu hay không. Nếu có, hãy nêu ví dụ; nếu không, cho biết vì sao.

.....

3.2. Cảm hứng chủ đạo của văn bản và cái tôi của tác giả

- Cảm hứng chủ đạo trong VB

.....

-Cái tôi của tác giả

.....

3.3. Khái quát đặc điểm thể loại nhật kí

Đặc điểm của nhật kí	Thể hiện trong VB <i>Trên những chặng đường hành quân...</i>
Tự thuật	
Ghi chép ngày, tháng, năm	
Phi hư cấu	

Qua các chi tiết hiện thực, thể hiện suy ngẫm, cảm xúc của người viết	
---	--

4. Liên hệ, mở rộng: Khái quát được một số đặc điểm của thể loại phóng sự, nhật kí và rút ra được một số kinh nghiệm đọc phóng sự, nhật kí.

Cách đọc phóng sự, nhật kí

	Cách đọc phóng sự	Cách đọc nhật kí
Tương đồng		
Khác biệt		

5.. Luyện tập:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3: NGŨ TRÀNG AN
(Vân Long)

1: Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

.....

.....

.....

2: Hình ảnh nhân vật “tôi” ngày bé

.....

.....

.....

3: Nhận xét về sự đan xen của hình ảnh đan xen quá khứ và hiện tại.

Hình ảnh hiện tại	Hình ảnh quá khứ	Nhận xét

4: Nội dung hai câu thơ cuối của bài thơ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5: Nét độc đáo của kết cấu bài thơ.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 4: CÁI GIÁ TRỊ LÀM NGƯỜI
 (Trích phóng sự Cơm thầy cơm cô – Vũ Trọng Phụng)

1: Đặc điểm của phóng sự thể hiện trong văn bản

Đặc điểm của phóng sự	Thể hiện trong VB Cái giá trị làm người
Phản ánh xác thực hiện tượng của cuộc sống	
Kết hợp chi tiết hiện thực với thái độ, đánh giá của người viết	

Sử dụng biện pháp nghiệp vụ báo chí: điều tra	
--	--

2. Một số chi tiết có tính xác thực:

+ Nhân vật “tôi” thâm nhập vào thế giới mua bán người.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+Tác dụng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3: Nhận xét về mật độ sử dụng và tác dụng của lời thoại trong văn bản

– Lời thoại được sử dụng.....trong VB.

– Tác dụng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4: Sự kết hợp giữa trần thuật và bình luận/ miêu tả trong phóng sự

– Ví dụ về sự kết hợp giữa trần thuật và bình luận/ miêu tả

.....

.....

.....

.....

.....

– Tác dụng:

.....

.....

.....

.....

.....

5: Một số nhận xét về con người và xã hội Việt Nam trước 1945

.....

.....

.....

6: Nghệ thuật viết phóng sự của Vũ Trọng Phụng trong đoạn trích

.....

.....

.....

7. So sánh cách phản ánh sự thật đời sống của phóng sự và nhật kí

	Phóng sự	Nhật kí
Tương đồng		
Khác biệt		

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ THÂN MẬT

1. Những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật

HS xem phần tri thức ngữ văn (sgk/tr.100)

2. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Đọc lại mục *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng* (SGK, tr. 10) và *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật* (SGK, tr. 100) và điền vào bảng sau:

Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật

Bài tập 2:

a. Một HS đọc diễn cảm ngữ liệu a.

.....

.....

b. Hai HS đọc phân vai đọc ngữ liệu b.

Bài tập 3:

Bài tập 4:

3. Từ đọc đến viết

Vận dụng được kiến thức về nội dung các VB thuộc chủ điểm *Thông điệp từ thiên nhiên* để viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày ý kiến về việc trên trang Facebook cá nhân, nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng. Giải thích lí do.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

1. Tri thức về kiểu bài

Yêu cầu của *Thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm*

	Thư tay	Thư điện tử
Nội dung	Trao đổi với người đọc về một vấn đề, trình bày ý kiến về vấn đề, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.	
Hình thức	Mở đầu: - Nêu địa điểm, thời gian viết thư - Danh tính người nhận, lời chào mở đầu.	Mở đầu: - Chú ý địa chỉ email của người gửi và người nhận - Tiêu đề email - Lời chào hỏi
	Nội dung: Trình bày vấn đề, ý kiến trao đổi về vấn đề hai bên cùng quan tâm. - Lần lượt trình bày rõ ràng, ngắn gọn các nội dung cần trao đổi - Đưa ra được các bằng chứng (nhân vật, sự việc, số liệu...) chính xác, đáng tin cậy để làm rõ cho nội dung lá thư	
	Kết thúc: - Ghi lời chúc, lời chào tạm biệt - Kí tên, ghi họ tên.	Kết thúc: - Ghi lời chúc, lời chào tạm biệt, - Danh tính người viết thư (có thể kí tên bằng chữ kí điện tử).

2. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo)

Câu 1: Bức thư gồm những phần nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Mục đích viết thư của tác giả là gì?

.....

.....

.....

Câu 3: Những lí lẽ, bằng chứng mà người bố sử dụng để thuyết phục con trai của mình

– Lí lẽ:

.....

.....

.....

– Bằng chứng về:

.....

.....

.....

Câu 4: Những giải pháp để hình thành nhân cách con người, theo tác giả là:

(1).....;(2).....

.....;(3).....;

(4).....

Câu 5: Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản có phù hợp với đối tượng người nhận hay không?

.....

.....

Câu 6: Bạn rút ra kinh nghiệm gì khi viết thư trao đổi về vấn đề đáng quan tâm?

.....

.....

.....

3. Lí thuyết về quy trình viết



4. Luyện tập vận dụng**4.1. Chuẩn bị viết**

- **Xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc:** HS chọn lựa một trong các vấn đề sau:

- Trao đổi với bố mẹ về việc chọn nghề.
- Trao đổi với bạn bè về việc chọn nghề.
- Trao đổi với bạn về lí tưởng sống, về cách sống.
- Trao đổi với bạn về tình yêu.
- Trao đổi với bạn về việc sử dụng thời gian sao cho hợp lí, khoa học.

- **Làm mẫu thao tác gửi thư điện tử**

- Mở hộp thư điện tử
- Chọn mục Soạn thư
- Nhập địa chỉ email của người nhận (một hoặc nhiều người), có thể dùng chức năng

Cc để nhập địa chỉ người cần biết thông tin nhưng không cần trả lời, chức năng Bcc để thêm địa chỉ.

- Trình bày nội dung email.
- Lời chào, lời chúc.
- Ghi tên người gửi.

4.2. Tìm ý, lập dàn ý**(1) Tìm ý****Phiếu tìm ý**

Tên nhóm:.....

Vấn đề muốn viết thư trao đổi:

.....

Người đọc có thể là

Để viết bài này, cần thu thập nhưng thông tin nào để thuyết phục người đọc?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cách thu thập thông tin:

– Tìm trên mạng/ sách báo?.....

– Phỏng vấn? Đối tượng phỏng vấn?.....

(2) Lập dàn ý

Tiêu chí đánh giá dàn ý	Đạt	Chưa đạt
Đảm bảo đầy đủ các ý theo yêu cầu của kiểu bài.		
Sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí.		
Trình bày dàn ý ngắn gọn, bằng từ/ cụm từ.		

[illegible]

4.3. Viết bài

[illegible]

4.4.. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

-Xem lại và chỉnh sửa: Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm)

Bảng kiểm đánh giá bài viết

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Có địa điểm, thời gian cụ thể, danh tính người nhận thư		
	Nêu lời chào mở đầu		
Nội dung chính	Lần lượt trình bày rõ ràng, ngắn gọn các nội dung cần trao đổi		
	Đề xuất cách giải quyết vấn đề (nếu cần)		
	Đưa ra được các bằng chứng (nhân vật, sự việc, số liệu...) chính xác, đáng tin cậy để làm rõ cho nội dung lá thư		
Kết thúc	Nêu lời chúc hoặc lời cảm ơn		
	Nêu danh tính người viết thư		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Bố cục cân đối, phần mở đầu và kết thúc tương xứng về dung lượng		
	Sử dụng cách xưng hô phù hợp		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		

-Rút kinh nghiệm: Mỗi HS thực hiện hai nhiệm vụ sau:

(1) HS – người viết: Ghi lại những điều sẽ điều chỉnh trong bài viết của mình.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(2) HS – người đọc: ghi lại những bài học rút ra từ bài viết của bạn (những ưu điểm cần học, hạn chế cần tránh).

.....

.....

.....

.....

PHẦN V: NÓI VÀ NGHE
THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC

1. Chuẩn bị tranh luận: Nhóm ... HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Điền vào PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP 1

- Tên nhóm:
- Yêu cầu của đề tài:
- Mục đích tranh luận:
- Đối tượng tranh luận:
- Loại thông tin cần thu thập để tranh luận, nguồn thông tin:

Loại thông tin	Nguồn thông tin

Lí lẽ, lập luận Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở)		
Ý kiến thứ hai Lí lẽ, lập luận Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở)		

2. Kỹ năng tranh luận và cách phản hồi: Nhóm HS đọc hướng dẫn cách tranh luận và bảng kiểm (SGK, tr. 122 – 123) và tóm tắt các nguyên tắc tranh luận.

- *Biết tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược.*
- *Thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh luận.*

3. Thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

- Nhóm HS đồng ý với ý kiến chọn nghề, chọn trường theo mong muốn của bố mẹ, theo bạn bè.
- Nhóm HS đồng ý với ý kiến chọn nghề, chọn trường theo năng lực, hứng thú cá nhân.
- Mỗi nhóm lần lượt phát biểu từng ý kiến, nhóm còn lại phản bác ý kiến của bạn.
- Các nhóm còn lại đóng vai trò người nghe và điền vào bảng kiểm (SGK. tr. 123) những kỹ năng tranh luận mà hai nhóm đạt hoặc chưa đạt.
- Nhận xét, góp ý cho kỹ năng tranh luận của các nhóm dựa trên bảng kiểm.

4.. Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm:

- Mỗi nhóm thiết kế một sản phẩm, trình bày những kỹ năng cần có khi tranh luận trên giấy A0.
- Rút ra được kinh nghiệm cho bản thân sau hoạt động tranh luận.

.....

.....

.....

.....

PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 4**1. Câu hỏi ôn tập****Câu 1:**

.....

.....

.....

.....

Câu 2:

Văn bản	Một số yếu tố phi hư cấu	Chủ đề	Cảm hứng chủ đạo
<i>Con gà thờ</i>			
<i>Trên những chặng đường hành quân...</i>			

Cái giá trị làm người			
--------------------------	--	--	--

Câu 3: Trình bày một đoạn đối thoại (khoảng bốn đến sáu lượt lời) giữa em và các bạn cùng lớp về việc viết nhật kí, sau đó phân tích đặc điểm ngôn ngữ thân mật trong đoạn hội thoại này

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Trình bày sơ đồ hoặc bảng biểu.

- Nội dung: Tóm tắt được yêu cầu về nội dung, hình thức của kiểu VB.
- Hình thức: Đẹp, màu sắc hài hoà, cỡ chữ phù hợp. Riêng đối với sơ đồ: các hình khối, mũi tên thể hiện được mối quan hệ giữa các nội dung: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.

Câu 5: Các nhóm trình bày tờ rơi

- Về hình thức: Trình bày trong khuôn khổ 1 tờ giấy A4, thể hiện nội dung bằng các màu chữ, cỡ chữ khác nhau, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
- Về nội dung: Ngắn gọn, hữu ích, dễ hiểu.

Câu 6: Trình bày ý kiến bằng hình thức nói hoặc viết ngắn. Yêu cầu đối với câu trả lời: ngắn gọn, có bằng chứng để làm rõ ý kiến.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Từ đọc đến viết

Tiêu chí đánh giá bài tập Từ đọc đến viết	Đạt	Chưa đạt
Trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng trên Facebook		
Giải thích thuyết phục lí do nên/ không nên		
Viết đúng yêu cầu hình thức của một đoạn văn.		
Đủ dung lượng 200 chữ.		

BÀI 5

TIẾNG CƯỜI TRÊN SÂN KHẤU

(Kịch – Hài kịch)

PHẦN I. TRI THỨC NGỮ VĂN

Hài kịch là một thể loại kịch dùng tiếng cười phê phán thói hư tật xấu, suy đồi đạo đức, tệ nạn xã hội, tổng tiền những gì không phù hợp với đời sống, từ đó nỗ lực thay đổi nhận thức của khán giả, hướng đến một nhân sinh quan tốt đẹp hơn. Nếu bi kịch gọi lên cảm xúc xót thương và sợ hãi trong khán giả thông qua sự mất mát hay cái chết của những nhân vật cao quý thì hài kịch dùng tiếng cười để phê phán những giá trị lỗi thời, khẳng định sự chiến thắng của những giá trị mới mẻ, tiến bộ. Đặc điểm của hài kịch thể hiện qua tình huống, xung đột, hành động, nhân vật, các sắc điệu của tiếng cười, thủ pháp trào phúng, ngôn ngữ hài kịch,...

Cốt truyện hài kịch thường là câu chuyện đời thường, dựa trên tình huống gây cười (hiếu lảm, nhầm lẫn, trùng hợp ngẫu nhiên,...) dẫn đến nghịch cảnh trở trêu, bộc lộ bản chất, tính cách đáng chê cười của nhân vật, nhiều khi có kết cục dở khóc dở cười,... Câu chuyện thường bắt đầu bằng sự mất cân xứng, lệch chuẩn nào đó và kết thúc khi sự cân bằng được thiết lập lại, hợp đạo lý.

Xung đột trong hài kịch thường phát sinh từ sự sai lệch với chuẩn mực đạo đức và thẩm mỹ mà cộng đồng công nhận, đòi hỏi lập lại sự hài hoà và hợp lý.

Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật thông qua lời thoại, ngữ điệu, cử chỉ, biểu cảm,... nhằm thể hiện thế giới nội tâm và kết nối sự kiện, làm nên sự phát triển của cốt truyện hài kịch. Hành động trong hài kịch thường gắn với tình huống hài kịch và góp phần thể hiện các thủ pháp trào phúng.

Nhân vật hài kịch có thể thuộc mọi tầng lớp trong xã hội, là những người có tính cách, tâm lý, lối sống, đam mê, ứng xử trái với lẽ thường, tạo nên những tình huống, hành vi, lời lẽ nực cười.

Tiếng cười trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, mỉa mai, châm biếm, đả kích tùy theo đối tượng trào phúng có đáng được thông cảm hay không.

Thủ pháp trào phúng: Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại, nghịch lý, nghịch dị, tương phản, tăng cấp, nói mỉa, từ nhiều nghĩa, chơi chữ, tự lật tẩy (tự bóc trần),...

Ngôn ngữ và hiệu ứng “chữa trị” của hài kịch

Ngôn ngữ trong hài kịch gần với ngôn ngữ đời sống và đậm tính gây cười. Là một trong những thể loại nghệ thuật có khả năng tác động và định hình ý thức cộng đồng, ngoài chức năng giải trí, làm hưng phấn tâm trạng, hài kịch còn giúp khán giả lạc quan và tỉnh táo nhận thức thực tế, bảo vệ mình trước cái tiêu cực, đẩy lên mong muốn chữa trị những khiếm khuyết, bất cập trong đời sống xã hội và cá nhân.

PHẦN II. ĐỌC

VĂN BẢN 1: *MÀN DIỄN HÀNH – TRÌNH DIỆN QUAN THANH TRA*

1. Trước khi đọc

Một số thông tin cần lưu ý về tác giả, tác phẩm:

2. Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

.....

.....

.....

.....

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1 Tình huống kịch

Tóm tắt sự kiện chính:

❶

.....

❷

.....

❸

.....

❹

.....

Tình huống kịch:

.....

.....

3.2 Thủ pháp độc thoại trong kịch

Nhân vật		Độc thoại (lời nói riêng)	Bản chất của nhân vật
----------	--	---------------------------	-----------------------

Chánh án		<i>Trời, tôi bị đưa ra toà rồi. Họ mang xe đến bắt tôi rồi.</i>	Khiếp nhược trước pháp luật vì không thực hiện đúng trách nhiệm của một chánh án.
Trưởng bưu điện			
Kiểm học			
Khle-xta-kốp			

3.3 Các loại xung đột kịch

Các loại xung đột trong kịch	Các loại xung đột trong hài kịch	Các loại xung đột trong <i>Màn diễn hành – trình diễn Quan thanh tra</i>
– Xung đột kịch thường phát sinh từ sự đối lập, mâu thuẫn giữa các nhân vật hay các thế lực. – Có nhiều loại xung đột giữa: cái cao cả với cái cao cả; cái cao cả với cái thấp kém;	Xung đột phát sinh từ sự sai lệch với chuẩn mực đạo đức và thẩm mỹ mà cộng đồng công nhận, đòi hỏi lặp lại sự hài	

giữa cái thấp kém với cái thấp kém.	hoà và hợp lí.	
--	-------------------	----------------------------------

3.4. Một số thủ pháp trào phúng của Gô- gôn trong đoạn trích:

a. Phóng đại:

– Phóng đại đến mức phi lí tình huống nhằm lẫn:

.....
.....
.....
.....
.....

– Phóng đại sự khiếm khuyết, mảnh khoe của các quan chức, khiến họ mất lí trí và không thể nhận ra sự thật hiển nhiên mặc dù họ toàn là những kẻ “có sạn trong đầu”. Điều này góp phần tạo nên tình huống hài kịch.

b. Tự lật tẩy:

.....
.....
.....
.....

c. Tương phản, nghịch lí:

.....
.....
.....
.....
.....

d. Chơi chữ:

.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận:

.....
.....
.....
.....

3.5. Ý nghĩa tiếng cười trong kịch, thông điệp tác phẩm.

- Bên cạnh những yếu tố hài kịch như nhảm lẫn, phóng đại tình huống, màn kịch mang đến một dư vị buồn bã, chua chát, cảnh báo sự trừng phạt, khiến người đọc/ xem suy ngẫm và ăn năn. Điều này thể hiện ở:

.....

Qua xung đột này, người đọc/ xem nhận ra sự không tương thích giữa tư tưởng của tác giả về

.....

Có thể thấy, tiếng cười của N. Gô-gôn không chỉ là tiếng cười giải trí, mà còn là

.....

..... Tiếng cười là phương tiện vạch trần những ung nhọt của xã hội, từ đó chỉnh sửa đạo đức, khiến người đọc/ xem phải suy ngẫm và ăn năn.

- Trong *Màn diễn hành – trình diễn Quan thanh tra*, ta có thể nhận diện được nhiều tệ nạn xã hội, thói hư tật xấu bị tác giả phê phán như:

.....

- Có thể thay đổi nhan đề vở kịch từ “*Quan thanh tra*” sang “*Quan thanh tra giả*” được không? Vì sao trong mỗi con người chúng ta cần có “ một quan thanh tra thật”.

.....

4..Bài tập sáng tạo: Đóng vai nhân vật diễn 1 lớp kịch trong văn bản**Bảng kiểm đánh giá kĩ năng diễn xuất**

Tiêu chí	Đạt	Không Đạt
Diễn xuất tự nhiên		
Có đạo cụ, phục trang hỗ trợ hợp lí		
Các diễn viên nói to, rõ ràng, lưu loát		
Kết hợp tốt diễn xuất và lời thoại		
Có sáng tạo trong cách thể hiện hài kịch		

Tiêu chí	Đạt	Không Đạt
Diễn xuất tự nhiên		
Có đạo cụ, phục trang hỗ trợ hợp lí		
Các diễn viên nói to, rõ ràng, lưu loát		
Kết hợp tốt diễn xuất và lời thoại		
Thể hiện chính xác, trọn vẹn nội dung chính của màn hài kịch		

VĂN BẢN 2

TIỀN BẠC VÀ TÌNH ÁI

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Tóm tắt các sự kiện chính. xác định tình huống kịch.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Ngôn ngữ độc thoại trong kịch

Ác-pa-gông			
Tự nói với mình	Với đồng tiền	Với tên trộm vô hình	Với khán giả
..... 			

Nhận xét về ngôn ngữ giao tiếp của vở kịch:

3. 3. Nhân vật Ác pa gông

Các loại cảm xúc của Ác-pa-gông	Từ ngữ, hình ảnh, ngữ điệu	Nhận xét
.....		
.....		
.....		
.....		

.....		
.....		

3.4. Xung đột của màn kịch

– Cách phân tuyến nhân vật:

+

+

– Xác định xung đột:

+

+

Xung đột trong màn kịch này thuộc về xung đột tính cách:

.....

.....

.....

3.5: một số thủ pháp trào phúng trong màn kịch

– (ông nói gà, bà nói vịt):

Va-le-rơ – *Tất cả mọi nỗi ước ao của cháu, chỉ là được thấy mặt cho hả lòng, và không hề có ý nghĩ tội lỗi nào đến làm vẩn đục mối tình mà đôi mắt đẹp của nàng đã gieo vào lòng cháu.*

Ác-pa-gông (Nói riêng) – *Đôi mắt đẹp của nàng tráp của ta! Nó nói đến cái tráp của ta, mà cứ như một tình lang nói đến tình nương vậy.*

– : Ác-pa-gông sử dụng các từ ngữ như “máu mủ ruột rà”, “kho vàng”, “của báu”, “mó máy”,... Những từ này có thể hiểu theo nhiều nghĩa, gây ra sự nhầm lẫn và hiểu sai ý giữa Ác-pa-gông và Va-le-rơ.

– : “Nó nói đến cái tráp của ta mà cứ như một tình lang nói đến tình nương vậy”.

– : Mức độ hiểu lầm càng ngày càng gia tăng: nghi cấp tiên → “tên kẻ cắp” thừa nhận → “tên kẻ cắp” khẳng khái đòi giữ “của báu” → “tên kẻ cắp” “lăn xả, bám riết” → “tên kẻ cắp” đồng lõa với u già.

3.6.. Một số đặc điểm trong cách kết thúc của nhiều hài kịch:

+ Yếu tố bất ngờ:

.....

.....

– Hoá giải xung đột:

.....

.....

– Tranh luận:

+ Bằng lòng:

.....

.....

.....

+ Không bằng lòng:

.....

.....

.....

Việc đánh giá cách kết thúc của Mô-li-e đòi hỏi người đọc/ khán giả phải liên hệ

.....

4.. Luyện tập: Hoàn thành bảng tóm tắt một số đặc điểm lưu ý khi đọc VB hài kịch.

Lưu ý cách đọc hài kịch	Đặc điểm thể loại
	Cách đọc

.....

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 3: THẬT VÀ GIẢ
(Nguyễn Đình Thi)

1: Tóm tắt các sự kiện chính.và xung đột kịch

+

.....

+

.....

– Nhà vua phân biệt được sự thật và giả dối qua

.....

– Xung đột kịch:

.....

.....

.....

.....

2.. Nhân vật kịch

Nhân vật	Lời nói đối	Sự thật	Thái độ của Nhà vua
Tiểu thư	– <i>Em nói sao hết được lòng em yêu kính Đức vua “</i>	Yêu chàng trai nghèo, nhưng bị cha ép tiến cung	Phẫn nộ và xót xa
Người đàn bà			
Quận chúa			
Cô gái			

3.. Nội tâm nhân vật Nhà vua khi đối diện với chính mình

– Thời gian

.....

.....

.....

.....

– Không gian

.....

.....

.....

.....

Tác dụng:

.....

.....

.....

4: Tác giả đã sắp xếp sự xuất hiện lần lượt của bốn người phụ nữ trước Nhà vua nhằm tăng dần sự gia tăng của xung đột kịch:

– Sự xuất hiện của Tiểu thư:

.....

.....

.....

– Sự xuất hiện của Người đàn bà:

.....

.....

.....

– Sự xuất hiện của Quận chúa:

– Sự xuất hiện của Cô gái:

Tác dụng: Qua việc sắp xếp sự xuất hiện của bốn người phụ nữ theo một trình tự gia tăng độ phức tạp của lời nói dối, tác giả đã

5: Vai trò chi tiết pho tượng đá (yếu tố huyền ảo)

6: Xung đột thật – giả trong vở kịch *Con nai đen* phản ánh những băn khoăn của nhà văn – người nghệ sĩ – trước đời sống và sáng tạo nghệ thuật:

–

–

Qua xung đột thật – giả, Nguyễn Đình Thi thể hiện ý thức kép của mình – vừa là người công dân vừa là người nghệ sĩ:

–

–

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

VĂN BẢN 4: ĐỐI TƯỢNG VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HÀI KỊCH

(Mô-li-e)

1: Quan điểm của Mô-li-e (thông qua nhân vật Đô-răng) về đối tượng và những khó khăn của hài kịch:

– Đối tượng của hài kịch:

– Những khó khăn của hài kịch:

2: Vì sao “gây cười cho người tử tế đâu phải là chuyện dễ dàng”

– “Con người tử tế” là người

– Tiếng cười của “con người tử tế” thường ở cấp độ

– Để gây cười cho “con người tử tế”, nhà soạn kịch phải

3: Trình bày những cái hay, cái đẹp về hình thức, nội dung, ý nghĩa, triết lí nhân sinh, trong các vở hài kịch đã đọc hoặc xem, có thể dẫn chứng cụ thể từ các trích đoạn.

.....

.....

.....

.....

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỊCH NGỮ: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

- Khái niệm**

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ kết hợp các từ ngữ biểu thị những khái niệm mâu thuẫn nhau để tạo ra những cách nói, cách viết trái với cách nói, cách viết thông thường nhằm mục đích làm nổi bật bản chất vấn đề, gây ấn tượng mạnh đối với người tiếp nhận đồng thời làm tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: Biện pháp tu từ nghịch ngữ trong tiêu đề tác phẩm *Kẻ sát nhân lương thiện* (Lại Văn Long), *Âm thanh im lặng* (Vũ Quần Phương), *Tuyết bóng* (Bôn-đa-rép),...

Trong các tiêu đề trên, việc kết hợp các từ ngữ biểu thị những khái niệm mâu thuẫn nhau: “kẻ sát nhân” và “lương thiện”, “âm thanh” và “im lặng”, “tuyết” và “bóng” đã tạo ra những cách diễn đạt độc đáo, gây ấn tượng mạnh với người đọc.

- Thực hành**

Bài tập 1:

a. Nghịch ngữ thể hiện qua cụm từ

Tác dụng:

b. Nghịch ngữ xuất hiện qua các cụm từ như

Tác dụng:

Bài tập 2:

Trong các ngữ liệu, ta thấy có những cách diễn đạt trái với diễn đạt thông thường, như:

.....

.....

Tác dụng:

.....

.....

Bài tập Từ đọc đến viết

Viết một đoạn hội thoại (khoảng từ 7 đến 8 lượt lời) về chủ đề *Tiếng cười trên sân khấu và cuộc sống*, trong đó có sử dụng phép tu từ nghịch ngữ. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp này.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT VĂN BẢN VIẾT THƯ TRAO ĐỔI CÔNG VIỆC

1. Tri thức về kiểu bài

1.1. Kiểu bài: Thư trao đổi công việc là kiểu văn bản thư tín của cá nhân hay tổ chức, dùng để trao đổi thông tin mà hai bên cùng quan tâm, cùng bàn bạc (bổ sung, chỉnh sửa, phương thức tiến hành...), nhằm đạt được kết quả mong đợi.

1.2. Yêu cầu đối với kiểu bài: Thư tín dạng này có rất nhiều loại, tùy mục đích giao dịch (đặt hàng, xác nhận, phúc đáp, khiếu nại, mời hợp tác,...), tùy mối quan hệ hai bên mà hình thức và nội dung có thể khác nhau, tuy nhiên vẫn cần đáp ứng những thể thức của một bức thư.

• **Nội dung:** Trao đổi công việc về những nội dung cụ thể (ví dụ: lợi ích của công việc, yêu cầu thực hiện, cách thức thực hiện, kết quả dự kiến,...); Thông tin trao đổi: đầy đủ, chính xác, có sức thuyết phục.

• **Hình thức:** Dung lượng văn bản cô đọng, tập trung vào mục đích trao đổi công việc; ngôn ngữ: nhã nhặn, tạo sự tin cậy, trọng thị lẫn nhau.

2.3. Có bố cục gồm ba phần:

Mở đầu: Nêu địa điểm và thời gian viết thư, danh tính người nhận thư, lời chào mở đầu.

Nội dung chính: Làm rõ mục đích trao đổi công việc, ý nghĩa/ kết quả mong đợi, đề xuất về (các) phương án giải quyết, hợp tác giữa các bên (nếu có),...

Kết thúc: Lời chào tạm biệt, danh tính người viết thư,...

3. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo)**Ngữ liệu 1:**

Câu 1:

.....

Câu 2:

.....

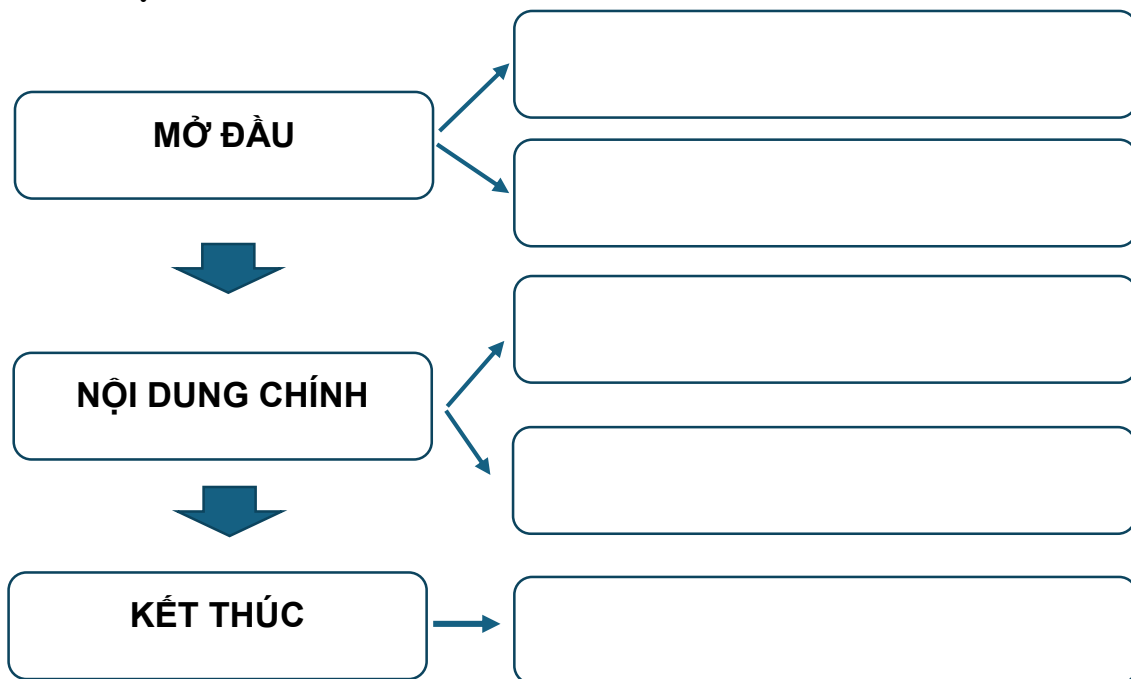
Câu 3:

.....

Câu 4:

.....

Sơ đồ bố cục kiểu bài:

**Ngữ liệu 2:**

Câu 1:

Câu 2:

.....

.....

.....

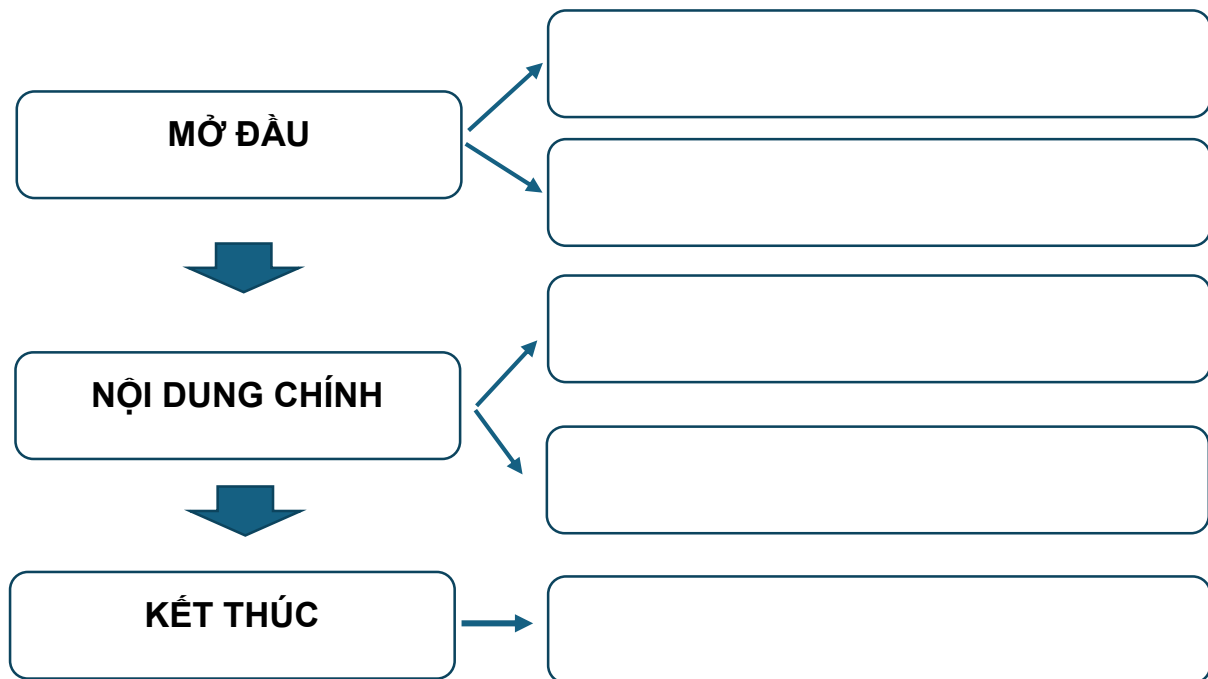
Câu 3:

.....

.....

.....

Sơ đồ bố cục kiểu bài:



Câu 4: Kinh nghiệm khi viết *Thư trao đổi công việc*:

.....

.....

.....

.....

.....

3. Lí thuyết về quy trình viết

Quy trình	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	– Xác định rõ nội dung và mục đích trao đổi công việc – Xác định người nhận thư —> định hướng cách viết phù hợp
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	– Phác thảo các ý cần trao đổi – Sắp xếp các ý theo trình tự phù hợp
Bước 3: Viết bài	– Triển khai các ý thành bức thư – Sử dụng ngôn từ, giọng điệu phù hợp
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	Xem lại thư trước khi gửi, đối chiếu với <i>Bảng kiểm</i> để điều chỉnh

4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Giả sử bạn là chủ nhiệm Câu lạc bộ Văn học, hãy viết một lá thư (thư tay hoặc thư điện tử) trao đổi với cộng tác viên câu lạc bộ về việc thực hiện tập san chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

[illegible]

[illegible]

5.. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Bảng kiểm đánh giá bài viết

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Có địa điểm, thời gian cụ thể, danh tính người nhận thư		
	Có lời chào mở đầu		
Nội dung chính	Trình bày ngắn gọn, rõ ràng mục đích, lí do viết thư		
	Trình bày một cách rõ ràng, ngắn gọn các nội dung cần trao đổi		
	Nêu được những phương án, cách thức hợp tác khả thi, hiệu quả		
	Đưa ra được các bằng chứng (nhân vật, sự việc, số liệu,...) chính xác, đáng tin cậy để làm rõ cho nội dung thư		
Kết thúc	Có lời chào kết thúc		
	Ghi rõ danh tính người viết thư		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Bố cục cân đối, phần mở đầu và kết thúc tương xứng về dung lượng		
	Ngôn ngữ viết phù hợp với đối tượng và mục đích nhận thư		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		

-Rút kinh nghiệm: Mỗi HS thực hiện hai nhiệm vụ sau:

(1) HS – người viết: Ghi lại những điều sẽ điều chỉnh trong bài viết của mình.

(2) HS – người đọc: ghi lại những bài học rút ra từ bài viết của bạn (những ưu điểm cần học, hạn chế cần tránh).

PHẦN V: NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC

1. Hoạt động chuẩn bị nói

1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Nhóm HS thực hiện hai nhiệm vụ sau:

(1) Liệt kê một số vấn đề xã hội mà em muốn tranh luận để tham gia buổi hùng biện *Tuổi trẻ và những góc nhìn xã hội*. Lưu ý: HS có thể chọn vấn đề đã được gợi ý trong SGK (tr/157) hoặc đề xuất đề tài khác.

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

Xác định mục đích bài nói và đối tượng người nghe của đề tài đã xác định.

3. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

4. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

(1) Nêu hai điều nhóm đã làm tốt khi tranh luận về một vấn đề xã hội

(2) Nêu giải pháp khắc phục một điều nhóm làm chưa tốt.

ÔN TẬP BÀI 5

Câu 1:

Văn bản	Tình huống	Xung đột
Màn diễn hành – trình diện Quan thanh tra		
Tiền bạc và tình ái		
Thật và giả		

Câu 2: Sự tương đồng về đối tượng trào phúng và thủ pháp trào phúng giữa các tích chèo, tuồng (*Nghêu, Sò, Ốc, Hến*) với truyện cười dân gian *Đến chết vẫn hà tiện, Con rắn vuông,...*):

– Về đối tượng trào phúng:

– Về thủ pháp trào phúng:

Câu 3: Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nghịch ngữ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....
Câu 4: Khi viết thư trao đổi công việc, cần lưu ý:

– Về hình thức:

.....
 – Về giọng điệu:

.....
 – Về ngôn ngữ:

Câu 5 : *Thái độ khi tranh luận:*

.....

BÀI 6 TRONG THẾ GIỚI CỦA GIÁC MƠ (THO)

PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình

.....

2. Điểm giống và khác nhau giữa hình tượng và biểu tượng

	Hình tượng	Biểu tượng
Giống nhau		
Khác nhau		

PHẦN II. ĐỌC
VĂN BẢN 1: ĐẤY THÔN VĨ DẠ
(Hàn Mặc Tử)

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. Một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố siêu thực

- Khổ thơ 1:

+ Câu hỏi thứ nhất:

.....

.....

.....

+ Cảnh và người

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Khổ thơ thứ 2:

+ Cảnh sông nước

Cảnh sông nước mà tôi từng biết:	Cảnh sông nước trong bài thơ:
Ý nghĩa từ “kịp” trong cảm quan của chủ thể trữ tình:	

.....
.....

- **Khổ thơ cuối**

+ “Khách đường xa” ở khổ thơ cuối có thể là

.....

.....

+ Xác định mối liên hệ cảm xúc giữa Chủ thể trữ tình và “em”.

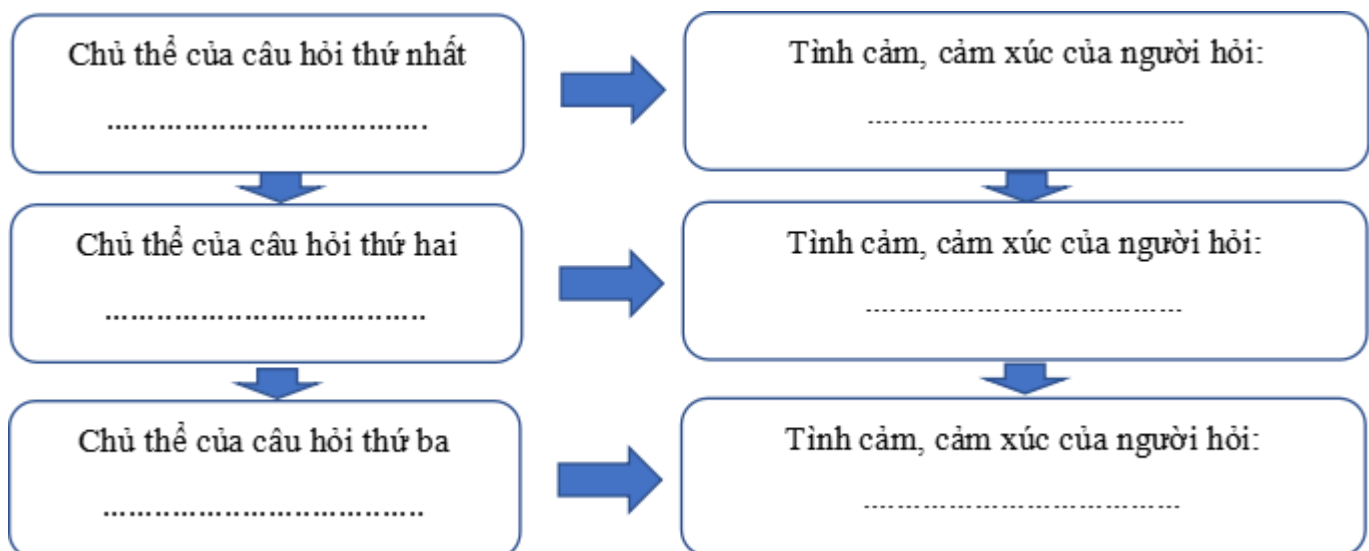
.....

.....

.....

.....

3.2. Xác định chủ thể của 3 câu hỏi trong bài thơ và tình cảm, cảm xúc của người hỏi.



3.3. Nhận xét về sự thay đổi ngoại cảnh và cảm xúc của Chủ thể trữ tình qua 3 khổ thơ.

Sự thay đổi ngoại cảnh và cảm xúc của chủ thể trữ tình qua 3 khổ thơ	Khổ 1:
	Khổ 2:

	
	Khổ 3:
	
	
	
	

3.4: Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp của văn bản

Khái niệm		VB Đây thôn Vĩ Dạ
Chủ đề	Là vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống.	
Cảm hứng chủ đạo	Là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.	
Thông điệp	Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà tác giả muốn gửi đến người đọc.	

3.5. Tổng kết: Nội dung và nghệ thuật

Nghệ thuật		Nội dung
Yếu tố siêu thực		– Chủ đề:
Hình tượng		– Cảm hứng chủ đạo:
Biểu tượng		– Thông điệp:
Nhịp/vần/biến pháp nghệ thuật		

4. Liên hệ, mở rộng: Bài tập sáng tạo: Vẽ bức tranh về thôn Vĩ Dạ theo tưởng tượng của bạn sau khi đọc xong bài thơ này.

- HS đăng sản phẩm lên trang Google Classroom của lớp, các HS khác và GV xem/ đọc, nhận xét dựa trên định hướng sau: Sự sáng tạo, sự hài hòa của màu sắc, đường nét.

5. Luyện tập: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) đánh giá về nghệ thuật và nội dung của khổ thơ đầu.

This image shows a full page of a document template designed for handwriting practice or general note-taking. It consists of approximately 30 evenly spaced horizontal dotted lines across the entire width of the page. The background is plain white, and there are no margins, headers, footers, or other markings present.

VĂN BẢN 2
ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA (LORACA)
Thanh Thảo

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản**

1.1. Tác giả Thanh Thảo (sgk)

1.2. Tác phẩm

3. Sau khi đọc**3.1** *Xác định thể loại, bố cục, mạch cảm xúc.*

Khác thường về hình thức (thể thơ, bố cục, nội dung)	Phần 1: 6 dòng đầu
	Phần 2: 16 dòng tiếp theo
	Phần 3: các dòng còn lại
Mạch cảm xúc	

3. 2: *Một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực.*

	Từ ngữ, hình ảnh gợi tả hình tượng nhà thơ Lor-ca	Nét độc đáo của từ ngữ, hình ảnh
--	--	---

Khổ 1	<i>áo choàng đỏ gắt</i>	
Khổ 2	<i>áo choàng bê bết đỏ</i>	
<i>Điểm chung của những hình ảnh, từ ngữ trong hai khổ thơ</i>		

Hình ảnh/biểu tượng	Ý nghĩa
1 Áo choàng đỏ gắt	
2. Tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta xanh lá, tiếng ghi ta tròn bọt nước, chiếc ghi ta màu bạc	

Hành động ném lá bùa vào xoáy nước, ném trái tim vào lặng yên	
---	--

- **Yếu tố tượng trưng, siêu thực**

Nghệ thuật	Tác dụng, ý nghĩa
Lặp cấu trúc: li-la li-la li-la	
Nhạc điệu, nhịp điệu, cách ngắt dòng	

3.3: Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp của văn bản

Khái niệm		Bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i>	Biện pháp tu từ
Chủ đề	là vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống		
Tư tưởng	là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung		
Thông điệp	là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà tác giả muốn gửi đến người đọc		

4. Luyện tập: bằng 1 đoạn văn 200 chữ, anh/chị hãy nêu cảm nhận của mình về hình tượng nhà thơ Lor-ca được thể hiện trong bài thơ.

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

VĂN BẢN 3

SAN-VA-ĐO ĐA-LI (SANLVADOR DALI) VÀ SỰ ĐAI DẪNG CỦA KÝ ỨC

1: Tìm và nêu đặc trưng, ý nghĩa các chi tiết trong bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức* được đề cập đến trong VB

[illegible]

2: Thế giới tâm hồn của Đali.

- Từ những sự vật vốn quen thuộc nhưng khác biệt (*hàng mi khép, cái cây, bầy kiến, những chiếc đồng hồ kim loại, cái bàn,...*) cho thấy

[illegible]

- Qua tiêu đề

.....

.....

.....

.....

.....

3: Liên hệ, so sánh cách sử dụng hình ảnh trong văn bản và bài thơ *Chiếc lá đầu tiên* của Hoàng Nhuận Cầm, bài thơ *Thời gian* của Văn Cao, :

[illegible]

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 4: TỰ DO
(Pôn Ê-luy-a)

1: Chủ thể trữ tình của bài thơ:

.....

2: Hành động “viết tên em” được liên kết với những hình ảnh sau:

– Khổ 1 – 2 (*trang vở học sinh, bàn học, cây xanh, đất cát, tuyết, trang sách đã đọc, trang vở chưa dùng, đá, máu, giấy, tro tàn*):

.....

.....

.....

.....

– Khổ 3 (*vàng son, guơm đao, mũ áo vua quan*):

.....

.....

.....

– Khổ 4 (*sa mạc, rừng hoang, tổ chim, hoa trái*):

.....

.....

.....

– Khổ 5 – 6 – 7 – 8 (*điều huyền diệu của đêm, khoanh bánh mì trắng, các mùa, trời xanh, mặt ao rêu mốc phản chiếu mặt trời, trắng trên hồ, hừng đông, tàu thuyền, núi non, mây, bão, mưa*):

.....

.....

.....

.....

.....

– Khổ 9 – 10 – 11 (*cây đèn thấp sáng và lụi dần, họ hàng quây quần, nơi trú ẩn tan hoang, ngọn hải đăng đổ nát, bức tường ngao ngán, sức khỏe phục hồi, hiểm nguy tan biến, hi vọng không vẩn vương (nguyên tác: *l'espoir sans souvenir*, hi vọng không có kí ức)*):

.....

.....

.....

.....

- Hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng

.....

.....

- Hình ảnh mang ý nghĩa siêu thực

.....

.....

.....

.....

.....

3: Hành động “viết tên em” cho thấy

.....

.....

Hành động “gọi tên em”

.....

.....

4: Từ *TỰ DO* được tách ra ở cuối bài, đứng độc lập với các khổ thơ còn lại như một khổ thơ riêng, được nhấn mạnh và khẳng định

.....

.....

.....

.....

.....

5: Đặt vào hoàn cảnh nước Pháp bị chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, bài thơ thể hiện thông điệp

.....

.....

Biện pháp tu từ điệp cấu trúc “Trên ... Tôi viết tên em” đã góp phần khẳng định:

.....

.....

6: Mối liên hệ giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo:

Chủ đề

.....

Tư tưởng

.....

Cảm hứng chủ đạo

.....

.....

.....

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT ***GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT***

1. Tìm hiểu về Tiếng Việt

1.1 Đặc điểm

1.2 Biện pháp giữ gìn và phát triển Tiếng Việt

2. Thực hành

Câu 1:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2:

.....

.....

.....

.....

Câu 3:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5:

Câu 6:

Từ đọc đến viết: Viết 1 đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vài hình ảnh bạn ấn tượng nhất trong 2 bài thơ vừa đọc.

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

1. TRI THỨC KIỂU BÀI

* **Kiểu bài:** Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.

* **Yêu cầu đối với kiểu bài**

- Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

- Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.

- Có thể phân tích, trao đổi với những ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.

- **Có bố cục gồm 3 phần:**

+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.

+ Thân bài: Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.

+ Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.

2. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo) SGK T18-19

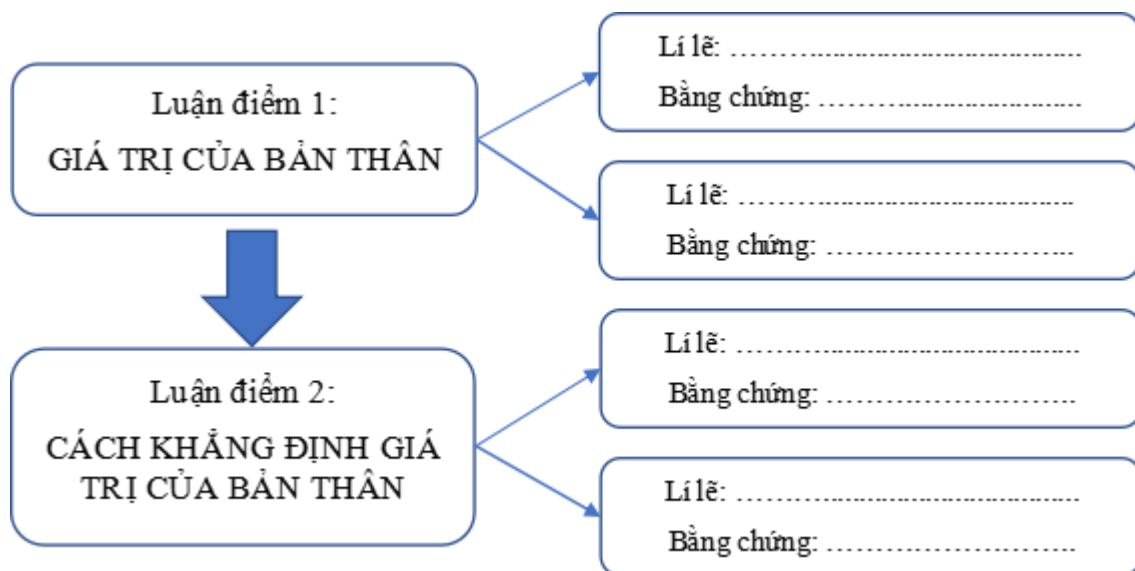
Câu 1: Bố cục bài viết gồm 3 phần: mở bài (đoạn đầu), kết bài (đoạn cuối), thân bài (các đoạn còn lại). Vấn đề được bàn luận trong bài viết là khẳng định bản thân như thế nào.

.....

Câu 2:

.....

Câu 3:

**Câu 4:**

– Bạn học được điều gì từ cách mở bài, kết bài?:

.....

.....

– Bạn học được điều gì từ cách trình bày luận điểm, cách lập luận?

.....

.....

3. Lí thuyết về quy trình viết

Quy trình viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	
Quy trình viết	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	Bạn chọn đề tài nào? - Bạn viết bài này nhằm mục đích gì? - Người đọc bài viết này là ai? Họ mong chờ điều gì từ bài viết của bạn? - Với mục đích và người đọc như vậy, bạn sẽ chọn cách viết như thế nào? - Thu thập những lí lẽ, bằng chứng trong sách, báo, trong cuộc sống liên quan đến vấn đề cần bàn luận. - Trao đổi hoặc phỏng vấn ý kiến của các bạn trong lớp, trên mạng xã hội về vấn đề mà đề bài đặt ra.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	Chọn lọc những lí lẽ, bằng chứng đã thu thập. - Thống kê, phân loại các ý kiến mà bạn đã phỏng vấn/ trao đổi. - Trên cơ sở đó, phác thảo ý tưởng cho bài viết. - Phân loại ý nào là luận điểm, ý nào là lí lẽ, bằng chứng; loại bỏ các ý trùng lặp hoặc không phục vụ cho vấn đề cần bàn luận. - Sắp xếp các ý vừa tìm được theo một trình tự hợp lí (tham khảo hướng dẫn lập dàn ý ở Bài 2).	
Bước 3: Viết bài	Viết bài dựa trên định hướng của bảng kiểm.	
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	- Điều chỉnh dựa vào bảng kiểm. - Rút ra bài học kinh nghiệm.	

- 4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG
- Cách tìm ý, lập dàn ý, viết bài

Tên nhóm:

Đề bài:

Người đọc bài viết này có thể là:

Người đọc mong chờ ở bài viết của tôi:

-

-

PHIẾU XÁC ĐỊNH ĐỀ BÀI, NGƯỜI ĐỌC

(2) Thu thập tư liệu (thực hiện ở nhà hoặc dùng điện thoại thực hiện trên lớp):

PHIẾU THU THẬP TƯ LIỆU

Nội dung tư liệu cần thu thập là:

-

-

Cách thu thập tư liệu:

- Tư liệu từ sách báo:

- Tư liệu từ thực tế cuộc sống:

- Trao đổi hoặc phỏng vấn các bạn trong lớp/ trên mạng xã hội:

+ Nội dung phỏng vấn:

+ Số lượng câu hỏi phỏng vấn:

Tóm lược nội dung các tư liệu đã tìm, gạch đầu dòng các ý cần trình bày, sau đó sắp xếp các ý thành sơ đồ dàn ý. Dàn ý cần đảm bảo các tiêu chí sau:

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Có ít nhất hai luận điểm		
Mỗi luận điểm cần được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và bằng chứng		
Sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí.		
Trình bày dàn ý ngắn gọn, bằng từ/ cụm từ.		

.Luyện tập: *Đứng trước bối cảnh toàn cầu hóa trong “một thế giới phẳng”, bạn thấy thế nào về trách nhiệm của giới trẻ trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam? Hãy viết một bài văn nghị luận xã hội (600 chữ) để trình bày ý kiến của bạn.*

[illegible]

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

4. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Bảng kiểm đánh giá bài viết

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận		
	Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận		
Thân bài	Giải thích được vấn đề cần bàn luận		
	Thể hiện được quan điểm của người viết bằng hệ thống luận điểm		
	Nêu được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Nêu được bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ		

	Đưa ra lập luận hợp lí để trao đổi với những biểu hiện tiêu cực/ ý kiến trái chiều		
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của bản thân		
	Đề xuất giải pháp/ bài học phù hợp		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Mở bài kết bài gây ấn tượng		
	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ hợp lí		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, viết câu...)		

PHẦN V: DẠY NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ

LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

1. Hoạt động ôn lại kiến thức, kĩ năng đã học

* *Giao nhiệm vụ HT*: yêu cầu mỗi nhóm 2 HS nhớ lại cách thuyết trình và lắng nghe, nhận xét đã học ở Bài 2 và đã thu nhận được trong quá trình thảo luận nhóm, điền vào bảng sau:

Cách thuyết trình	Cách nghe	Cách nhận xét
.....		

2. Cách lập dàn ý

DÀN Ý BÀI THUYẾT TRÌNH

Tên đề tài thuyết trình:

Giải thích và nêu biểu hiện của vấn đề:

Lí giải vì sao vấn đề là thách thức hay cơ hội:

– Lí lẽ:

– Bằng chứng:

Giải pháp nắm bắt cơ hội, khắc phục/ đối phó với thách thức:

.....

Dự kiến sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu, clip:

.....

3. Chuẩn bị nói
4. Trình bày bài nói
5. Trao đổi, tự đánh giá
6. Vai trò người nghe

PHẦN VI: ÔN TẬP

1. Ôn tập kiến thức

Câu 1: Sự khác nhau giữa yếu tố tượng trưng và siêu thực trong thơ:

- Yếu tố siêu thực:
-
-
- Yếu tố tượng trưng:
-
-

Câu 2: So sánh các VB *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, *Tự do*:

Văn bản	Hình ảnh, biểu tượng	Yếu tố siêu thực	Đặc sắc nghệ thuật	Chủ đề
<i>Đây thôn Vĩ Dạ</i>	Hình ảnh:		– Thể thơ: – Câu hỏi tu từ.	
<i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i>	– Hình ảnh: – Biểu tượng:		– Thể thơ: – BPTT:	
<i>Tự do</i>	– Hình ảnh: – Biểu tượng:		– Thể thơ – BPTT	

Câu 3: Yếu tố siêu thực đặt ra thử thách lớn đối với người đọc vì

-
-
-
-

Câu 4:

-
-

.....

.....

Câu 5, câu 6:

[illegible]

2. Hoạt động *Từ đọc đến viết*

Đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày ý kiến về việc trên trang Facebook cá nhân, nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng. Giải thích được lí do nên/ không nên.

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 7

TRONG ÁNH ĐÈN THÀNH THỊ (Tiểu thuyết hiện đại)

PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Tìm hiểu về Tiểu thuyết, Tiểu thuyết hiện đại

1.1. TÌM HIỂU THỂ LOẠI TIỂU THUYẾT

Khái niệm

Tiểu thuyết là thể loại..... có khả năng.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đặc điểm thể loại tiểu thuyết (so với truyện ngắn)		
	Truyện ngắn	Tiểu thuyết
Kích thước, dung lượng	Kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc, xuất bản dưới dạng tập truyện	
Nhân vật	Thường chỉ có 1 – 2 nhân vật chính, chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm	
Cốt truyện	Thường đơn giản, cô đúc, xoay quanh một vài sự kiện chính, dồn nén mâu thuẫn trong một khoảng thời gian ngắn	

2. SỰ KẾT HỢP NGÔN NGỮ NGƯỜI KỂ CHUYỆN VÀ NGÔN NGỮ LỜI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT

- Ngôn ngữ người kể chuyện phản ánh:
- Ngôn ngữ nhân vật phản ánh:
- Phân tích ví dụ về sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn:

*Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai. **Tuyên bố rằng Xuân vốn là con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hoá nữa!*** (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

→ Về hình thức, những câu in đậm là lời của, nhưng lại phản ánh ngôn ngữ, giọng điệu, suy nghĩ của

Đặc điểm tiểu thuyết hiện đại (so với tiểu thuyết trung đại)		
	Tiểu thuyết trung đại	Tiểu thuyết hiện đại
Chữ viết	Chữ Hán là chủ yếu	
Chịu ảnh hưởng	Văn học Trung Quốc	
Kết cấu	Kết cấu chương hồi	
Cốt truyện	– Cốt truyện tuyến tính – Đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống	
Điểm nhìn	Ngôi thứ ba toàn tri	
Ngôn ngữ	Mang tính cách điệu, trau chuốt	

PHẦN II. ĐỌC

VĂN BẢN 1: *HAI QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI*

(Trích *Số đỏ* - Vũ Trọng Phụng)

1. Trước khi đọc
2. Đọc văn bản
 - 2.1 Tìm hiểu tác giả, tác phẩm
 - 2.2 Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1. *Cốt truyện*

Bố cục văn bản	Các sự kiện chính
Phần 1 (Từ đầu đến “Ngây thơ!”: ông bà chủ tiệm may Âu hoá và ông	

Typn dẫn dò Xuân Tóc Đỏ về những công việc ở tiệm may như một cách “giúp sức xã hội trong cuộc Âu hoá”)	
Phần 2 (Từ “Giữa lúc ấy có một thiếu phụ...” đến hết): Cuộc gặp gỡ giữa Xuân Tóc Đỏ với vợ ông Typn, thái độ đầy mâu thuẫn của ông Typn.	

3.2. Hoàn cảnh đối thoại

- Thời điểm:.....
- Ý nghĩa:
-
-
-
-

3.3 Nhân vật trong tiểu thuyết

a. Nhân vật Xuân Tóc Đỏ

- Thể mạnh của Xuân Tóc Đỏ, chi tiết thể hiện, nhận xét:

.....

.....

.....

.....

.....

- Công việc ở tiệm may Âu hoá có ý nghĩa gì với công cuộc tiến thân của Xuân sau này? Chi tiết nào giúp bạn nhận ra ý nghĩa đó?

.....

.....

.....

.....

.....

b. Nhân vật ông Typn

Ứng xử của ông Typn	Lời nói	Hành động
Với Xuân		
Với bà Typn		

→ Nhận xét về tính cách của ông Typn:

.....

→ Nhận xét về quan niệm của Typn đối với “cải cách trang phục” nói riêng và “cải cách xã hội” nói chung:

.....

3.4. Chủ đề, thông điệp của văn bản

- **Nêu chủ đề:**
.....
.....
- Ý nghĩa những hành động, lời nói của vợ chồng ông bà Văn Minh và ông nhà báo trong việc thể hiện chủ đề:
.....
.....
- “Nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may” mà Xuân Tóc Đỏ băn khoăn, không hiểu thực chất là:
.....
.....
.....
- Người kể chuyện thể hiện rõ thái độ về trong công cuộc Âu hoá của đô thị Việt Nam lúc bấy giờ:.....
.....
.....

3.5. Ngôn ngữ trong tiểu thuyết

Ông bà Văn Minh	<i>Từ đây mà đi xã hội văn minh hay đã man là trách nhiệm ở anh!</i>	<i>cầm cái chổi này... mà phui bụi...</i>
Ông Typn	<i>Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lại có thêm một người tiến bộ.</i>	<i>– Hở cánh tay và hở cổ... Hở đến nách và hở nửa vú... – Rõ đồ khốn! Tưởng bỏ! Đòi nay mốt này, mai mốt khác để làm túi cơm giá áo à?</i>
Xuân Tóc Đỏ	<i>– Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá. – Một người cải cách xã hội... có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là đã man.</i>	<i>– Chả nước mẹ gì cả! – Mẹ kiếp! Quần với chả áo!</i>

Nhận xét

.....

.....

.....

.....

Ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự trung đại	Ngôn ngữ trong tiểu thuyết <i>Số Đỏ</i>
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

3.6. Đặc điểm phong cách hiện thực trong văn bản

- Đặc điểm của phong cách hiện thực

.....

.....

.....

-Vai trò của thủ pháp trào phúng

.....

.....

.....

4. Liên hệ, mở rộng: Suy tầm một số tiểu thuyết hiện đại đọc trải nghiệm.

5. **. Luyện tập:** Chọn một tiểu thuyết em đã đọc và so sánh với tiểu thuyết **Số Đỏ** các phương diện **ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động nhân vật**.

.....

VĂN BẢN 2: Ở VA- XAN
(Trích *Hội chợ phù hoa*)
Uy-li-am Thác-cơ-rây

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2: Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc

3.1 Điểm nhìn và người kể chuyện

- Xác định điểm nhìn và ý nghĩa

.....

- Người kể chuyện:

.....

3.2. Nhân vật

Nhân vật	Chi tiết	Nét tính cách
Giô		
Rê-béc-ca		
A-mê-li-a		

		
Gióóc		
Đô-bin		

- Trong đoạn trích, các nhân vật xây dựng trên những phương diện

.....
.....
.....
.....

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật của Thác-cơ-rây

.....
.....
.....

3.3 Thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật

.....
.....
.....
.....

3.4: VB trên đã cho thấy Rê-béc-ca đã dựa vào điều gì để bắt đầu quá trình tiến thân của mình trong xã hội thượng lưu Anh? Bạn có nhận xét gì về con đường tiến thân này của cô?

.....
.....
.....
.....

3.3. Chủ đề, thông điệp của văn bản

– Chủ đề:

.....
– Thông điệp:

– Các chi tiết liên quan

.....
.....
.....
.....

4. Liên hệ mở rộng

Tìm một tiểu thuyết hiện đại đọc trải nghiệm và so sánh các phương diện ngôn ngữ, chủ đề, nhân vật, thông điệp.

5. Luyện tập

-
-
-
-
-
-
-

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3: ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX
(Đoàn Thị Tình)

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.1. Chỉ ra quá trình thay đổi của chiếc áo dài được trình bày trong văn bản. Theo bạn điều gì dẫn đến sự thay đổi đó?

-
-
-
-
-
-
-

1.2. Nêu các ý chính của văn bản trên.

-
-
-
-
-
-
-

1.3. Theo bạn, vì sao sự cách tân của thời trang lại diễn ra mạnh mẽ nhất ở thành phố

-
-
-

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 4: NGÀY 30 TẾT
(Trích Mùa lá rụng trong vườn- MA VĂN KHÁNG)

1. Hoạt động trước khi đọc.

2. Hoạt động đọc

- Tác giả, tác phẩm

- Đọc văn bản

3. Sau khi đọc

3.1 Nội dung chính của VB::

.....

.....

3.2 Những hành động, lời nói của nhân vật Hoài:

.....

.....

.....

.....

3.3 Ý nghĩa những chi tiết chị Hoài kể về gia đình mới của chị.

.....

.....

.....

.....

.....

3.4. Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với chị Hoài

.....

.....

.....

.....

3.5. Thái độ, tình cảm của các nhân vật trong cảnh thấp hương ngày tết. Từ đó em có suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá của người Việt Nam?

.....

.....

.....

.....

.....

3.6. Xác định thông điệp của văn bản.

.....

.....

4. Luyện tập

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MĨA

1. Tìm hiểu biện pháp tu từ nói mĩ.

2. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1:

	Ngữ liệu a	Ngữ liệu b	Ngữ liệu c	Ngữ liệu d
Chỉ ra biện pháp tu từ nói mĩ				
				
				
				
				
				
				
				
Tác dụng				
				
				
				
				
				
				
				

Bài tập 2: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ c

	Ngữ liệu a	Ngữ liệu b
		
		
		

[illegible]

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tri thức kiểu bài

Bố cục kiểu bài	
Mở đầu	Giới thiệu thông tin khái quát về dự án : Tên dự án, hình thức của dự án, mục tiêu, nhiệm vụ, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các sản phẩm cần thực hiện, thời gian thực hiện
Nội dung nghiên cứu	Trình bày chi tiết, rõ ràng các kết quả nghiên cứu dự án
Kết luận	Khái quát những nội dung chính từ kết quả nghiên cứu của dự, nêu giải pháp hoặc vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

2. Phân tích kiểu văn bản

Yêu cầu đối với kiểu bài	Phân tích ngữ liệu tham khảo
Mở đầu: Giới thiệu giới thiệu	

		
Bước 3: Thực hiện dự án		
Bước 4: Viết bài báo cáo kết quả thực hiện dự án		– Thể hiện kết quả nghiên cứu bằng cách sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa có thuyết minh,... – Trình bày cước chú, trích dẫn, tài liệu tham khảo đúng quy cách.
Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa		Bảng kiểm kỹ năng viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội trong SGK, tr. 54 – 55.

4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Tên nhóm:

Tên đề tài:

Mục đích viết báo cáo là:

Người đọc có thể là:

Bài viết này có thể được công bố ở:

Mục tiêu nghiên cứu:

Câu hỏi nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu:

Cơ sở lý thuyết là:

Cách thức điều tra, thu thập dữ liệu:

Công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu:

PHẦN V: NÓI VÀ NGHE***TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI*****1. Hoạt động chuẩn bị nói****1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

.....

.....

.....

.....

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Cách thức thực hiện

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 7**1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập****Câu 1:**

.....

.....

.....

Câu 2:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 8

HAI TAY XÂY DỰNG MỘT SƠN HÀ

(Tác giả Hồ Chí Minh và văn bản nghị luận)

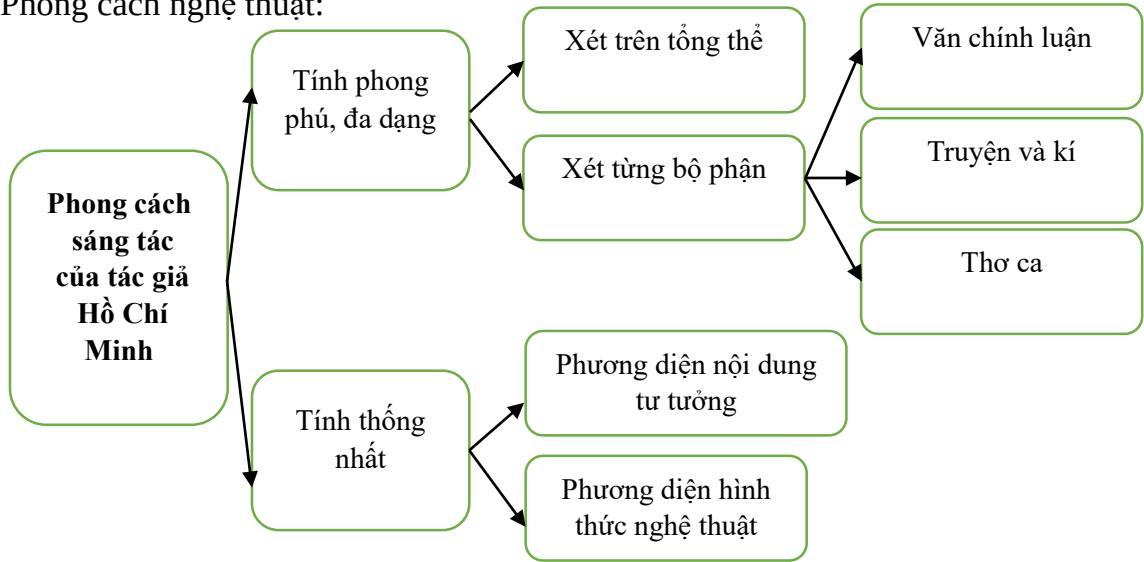
PHẦN I: TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh (1890-1969)

- Di sản văn học:

Thể loại	Tác phẩm tiêu biểu	Đóng góp/ Giá trị
Văn chính luận		
Truyện và kí		
Thơ ca		

- Phong cách nghệ thuật:



2. Các thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận.

- Các thao tác nghị luận: chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích, bác bỏ.
 - Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận: *Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận* thể hiện qua cáchđể thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết, từ đó khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.
-

PHẦN II. ĐỌC

VĂN BẢN 1: *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP*

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

2.1. Hoàn cảnh sáng tác của VB *Tuyên ngôn Độc lập*:

.....

.....

.....

2.2 Hoạt động đọc

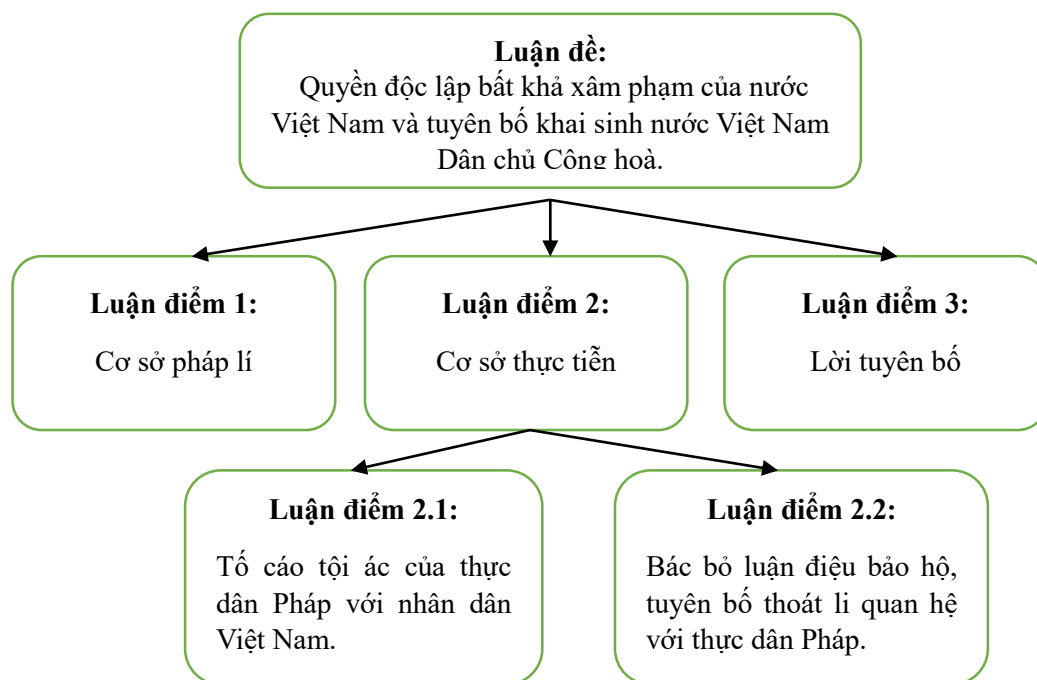
3. Sau khi đọc

3.1. *Bố cục và mạch lập luận của VB:*

- Bố cục VB:

Phần văn bản	Nội dung chính
Phần 1 (từ đầu đến “... không ai chối cãi được.”)	Cơ sở pháp lí
Phần 2 (từ “Thế mà ... phải được độc lập.”)	Cơ sở thực tiễn
Phần 3 (còn lại)	Lời tuyên ngôn

- Hệ thống luận đề, luận điểm của VB:



3.2. *Các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí*

- Tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ:

.....

.....

.....

- Tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận trong phần cơ sở pháp lí:

Thao tác nghị luận	Thể hiện trong đoạn mở đầu	Tác dụng của thao tác nghị luận	Tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận
Giải thích	Giải thích ý nghĩa <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Mỹ: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.	Mở rộng cách hiểu từ bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của nước Mỹ: Chuyển từ quyền con người (giới hạn ở đàn ông da trắng) sang quyền của dân tộc → Quan điểm có tính chất nhân văn, tiến bộ hơn.	
Chứng minh	Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp.	Minh chứng cho cơ sở pháp lí về quyền bình đẳng, hạnh phúc của nhân loại; gián tiếp thể hiện niềm tự hào dân tộc và thực hiện thủ pháp “gây ông đập lưng ông”.	
Bình luận	“Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được”.	Khẳng định quan điểm: Quyền tự do, hạnh phúc, bình đẳng của mỗi dân tộc là bất khả xâm phạm → Cơ sở pháp lí vững chắc.	

3.3. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn và lời tuyên ngôn

a. Cách lập luận để bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:

Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét về cách lập luận
Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ” Đông Dương.		
Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiêm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.		

--	--	--

- Một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định và phủ định trong phần này:

Nét đặc sắc	Một số biểu hiện trong đoạn VB	Tác dụng
Từ ngữ, biện pháp tu từ		
Các kiểu câu khẳng định, phủ định		

- b. Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn Độc lập*:

- Ý nghĩa của lời tuyên bố:

.....
.....
.....

- Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố:

.....
.....
.....

3.4. Quan niệm sáng tác của Hồ Chí Minh trong văn bản

Viết cho ai?	Viết để làm gì?	Viết cái gì?	Viết như thế nào?
.....			

4. Liên hệ mở rộng

.....
.....

5. Luyện tập

.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

VĂN BẢN 2
NGUYÊN TIÊU (RẼM THÁNG GIÊNG)

1. Trước khi đọc
2. Đọc văn bản

.....

.....

3. Sau khi đọc

3.1. Bố cục bài thơ

Bố cục	Chức năng	Với bài thơ <i>Rẻm tháng Giêng</i>
Dòng 1: <i>Khai</i>	Khai mở ý của bài thơ	
Dòng 2: <i>Thừa</i>	Thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần <i>Khai</i>	
Dòng 3: <i>Chuyển</i>	Chuyển ý	
Dòng 4: <i>Hợp</i>	Kết ý	

Cách chia bố cục theo nội dung:

- Hai dòng đầu:
- Hai dòng cuối:

3.2. Hai dòng thơ đầu

Đặc trưng của bức tranh đêm rằm trong hai dòng thơ đầu	Các hình thức nghệ thuật diễn tả đặc trưng ấy
.....	
.....	

.....	
.....	
.....	
.....	

Nhận xét:

.....

3.3. Hai dòng thơ sau

- Sự khác biệt của bức tranh đêm rằm ở hai dòng thơ cuối so với hai dòng thơ đầu:

.....

.....

.....

- Dòng thơ thứ ba *Yên ba thâm xứ đàm quân sự*:

+ “Yên ba thâm xứ”:

.....

.....

.....

+ Cụm từ “đàm quân sự” (*bàn bạc việc quân*):

.....

.....

.....

- Dòng thơ thứ tư *Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

=> Nhận xét:

.....

.....

3.4. Về đẹp tâm hồn, phong thái, đặc điểm sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh thể hiện trong bài thơ

- Phong thái ung dung, tự tại, dạt dào cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên:

.....

.....

.....

.....

- Sự kết hợp giữa tính cổ điển và tính hiện đại trong bài thơ:

	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	Các thể thơ cổ điển, có tính chất khuôn mẫu: thơ Đường luật; thể hành;...	Các thể thơ hiện đại: thơ năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, thơ tự do,...
Nội dung	– Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí,	– Nội dung tự do, phóng khoáng,

	đề cao truyền tải tư tưởng đạo lí. – Khung cảnh “cao sơn lưu thủy”, chủ yếu sử dụng nét chấm phá để lưu lại hồn tạo vật, lấy chuẩn mực thẩm mỹ là thiên nhiên. Hình ảnh con người hiện ra như những tao nhân mặc khách, thanh tao lánh đời, hoà mình vào thiên nhiên.	không theo khuôn mẫu, thể hiện tư tưởng, cảm xúc của cá nhân nhà thơ. – Thiên nhiên được miêu tả sinh động qua sự phóng chiếu của cái “tôi” độc đáo, lãng mạn, lấy chuẩn mực thẩm mỹ là con người. Con người nhận thức được ý nghĩa tồn tại của cá nhân, cá thể, chủ động hành động trong từng khoảnh khắc thời gian.
Nghệ thuật	– Hình ảnh thơ mang tính khuôn mẫu, ước lệ tượng trưng. – Ngôn từ mang tính tao nhã. – Sử dụng nhiều điển tích, điển cố do quan niệm “sùng cổ”.	– Hình ảnh thơ mang tính tự do, phóng khoáng, có thể là những chất liệu đời thường từ cuộc sống. – Ngôn từ tự do, gần với đời sống, phù hợp với giọng điệu cá nhân. – Thoát khỏi lối văn chương “tâm chương trích cú”, không sử dụng điển tích, điển cố mà nói bằng chất giọng riêng của cá nhân.
Trong bài thơ “ <i>Nguyên tiêu</i> ”:		

4. Liên hệ mở rộng

- Cách vận dụng hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu tác phẩm của Người:

.....

.....

.....

5. Luyện tập

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3. GIÁ TRỊ CỦA TẬP *TRUYỆN VÀ KÍ* (NGUYỄN ÁI QUỐC)
(Phạm Huy Thông)

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1.1. Bố cục hai phần của VB:

- Phần 1: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ nội dung tư tưởng;
- Phần 2: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ phong cách nghệ thuật.

1.2. Nhận xét về ngôn ngữ nghị luận trong văn bản:

Yếu tố ngôn ngữ nghị luận	Biểu hiện trong văn bản	Tác dụng
Biện pháp tu từ ẩn dụ		
Biện pháp liệt kê, trùng điệp		
Từ ngữ đặc sắc, giàu tính biểu cảm		
Sử dụng câu phủ định, khẳng định		

1.3. Khái quát về giá trị cơ bản của tập *Truyện và kí*:

- Về giá trị nội dung, tư tưởng:

.....

- Về giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ:

.....

1.4. Một số thao tác nghị luận và tác dụng của chúng:

STT	Thao tác nghị luận	Một số ví dụ trong văn bản và tác dụng
1	Chứng minh	
2	Bình luận	
3	Phân tích	

2. Luyện tập, vận dụng

Câu 5, trang 73 (SGK): HS tìm hiểu về sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh và trình bày ý kiến về một trong hai nhận định.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ
VĂN BẢN 4:
NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA – REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

1. Trước khi đọc**2. Đọc văn bản****3. Sau khi đọc****3.1. Tóm tắt các sự kiện được kể trong văn bản**

.....

.....

.....

.....

3.2. Nhân vật chính trong truyện**a. Nhân vật Va- ren**

.....

.....

.....

.....

.....

b. Nhân vật Phan Bội Châu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.4. Ngôi kể, điểm nhìn trong truyện

.....

.....

.....

3.5. Cách đặt nhan đề và cách kết thúc truyện

3.6. Chủ đề, thông điệp của tác phẩm

VĂN BẢN 5: CẢNH RỪNG VIỆT BẮC (Hồ Chí Minh)

1. Trước khi đọc

2. Đọc văn bản

Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ:

3. Sau khi đọc

3.1. Khung cảnh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt trong sáu dòng thơ đầu:

3.2. Chủ thể trữ tình trong bài thơ:

3.3. Chủ đề, thông điệp của bài thơ:

4. Luyện tập

Câu 5 trang 79 (SGK): Nêu một số điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung/ hình thức nghệ thuật giữa hai bài thơ “ *Cảnh rừng Việt Bắc*” và “ *Rằm tháng Giêng*”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**Bài tập 1:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2:

.....

.....

.....

.....

Bài tập 3:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

1. Tri thức về kiểu bài

– **Kiểu bài:** bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội thuộc kiểu bài nghị luận, viết ra để đọc trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội nhằm mục đích thuyết phục, kêu gọi mọi người tích cực tham gia, góp phần lan toả ý nghĩa, thông điệp tích cực.

– **Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- + Nêu được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng xác đáng, phù hợp, phong phú để thuyết phục mọi người tham gia phong trào/ hoạt động xã hội. Hệ thống luận điểm; lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, tổ chức chặt chẽ.
- + Nêu được lời kêu gọi, hành động với những giải pháp cụ thể, khả thi, thuyết phục.
- + Lòng ghép và sử dụng hợp lí yếu tố thuyết minh và yếu tố biểu cảm.
- + Ngôn ngữ trang trọng, lịch sự; giọng điệu chân thành, nhã nhặn.

– **Bố cục đảm bảo ba phần:**

+ **Mở đầu:** Giới thiệu phong trào/ hoạt động xã hội cần phát động, hoàn cảnh đọc bài phát biểu, lời chào và chúc sức khỏe đến người nghe.

+ **Nội dung chính:** Giới thiệu ngắn gọn nguồn gốc và lịch sử hình thành phong trào/ hoạt động xã hội; nêu các luận điểm khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào/ hoạt động xã hội; đưa ra lời kêu gọi tích cực tham gia và khích lệ, tin tưởng phong trào/ hoạt động xã hội sẽ thành công tốt đẹp.

+ **Kết thúc:** Chào tạm biệt và cảm ơn.

2. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo)

- Đọc ngữ liệu tham khảo *Bài phát biểu hưởng ứng Tết trồng cây năm Quý Mão 2023*.

- Phân tích ngữ liệu tham khảo (trả lời các câu hỏi hướng dẫn):

Câu 1: Bài phát biểu viết ra nhằm thuyết phục người nghe hưởng ứng Tết trồng cây năm Quý Mão, hiểu được ý nghĩa, thông điệp tích cực của phong trào Tết trồng cây và có những hành động thiết thực, cụ thể. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:

Luận điểm	Lí lẽ	Bằng chứng
Luận điểm 1: Việc hưởng ứng Tết trồng cây có vai trò rất thiết thực trong bối cảnh hiện nay.		
Luận điểm 2: Đối với trường chúng ta hiện		

nay, hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ có ý nghĩa hết sức sâu sắc.		
--	--	--

Câu 2:

.....

.....

.....

Câu 3:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Những điều cần lưu ý khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội:

.....

.....

.....

.....

3. Lí thuyết về quy trình viết

Đề bài: Giả sử Đoàn trường phát động phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác*. Là tấm gương thanh niên tiêu biểu được tuyên dương trong năm học trước, bạn hãy viết bài phát biểu để đọc trong buổi phát động phong trào năm nay.

QUY TRÌNH VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO/ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:		
Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	Xác định đề tài:	...
	Xác định mục đích viết và người đọc:	...
	Thu thập tư liệu:	...
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý:	...

		
	Lập dàn ý: 	...
Bước 3: Viết bài	...	...
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	...	...

4. Luyện tập, vận dụng : Viết bài văn

[illegible]

[illegible]

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm (*Sử dụng bảng kiểm trang 83*)

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Giới thiệu phong trào, hoạt động xã hội và hoàn cảnh đọc bài phát biểu		
	Gửi lời chào và lời chúc sức khỏe đến người tham dự buổi lễ		
	Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử hình thành và hoạt động của phong trào/ hoạt động xã hội		

Nội dung chính	Nêu ít nhất hai luận điểm khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của phong trào/ hoạt động xã hội		
	Nêu được lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Sắp xếp lí lẽ, luận điểm, bằng chứng theo trình tự hợp lí		
	Đưa ra lời kêu gọi tham gia phong trào/ hoạt động xã hội với những giải pháp, phương hướng hành động cụ thể, khả thi		
Kết thúc	Chào tạm biệt, cảm ơn		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Có mở đầu và kết thúc ấn tượng		
	Kết hợp với yếu tố thuyết minh và biểu cảm một cách hợp lí		
	Sử dụng ngôn ngữ lịch sự, trang trọng, giọng điệu chân thành, nhã nhặn		
	Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, diễn đạt (dùng từ, viết câu, ...)		

PHẦN V. NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Chuẩn bị nói

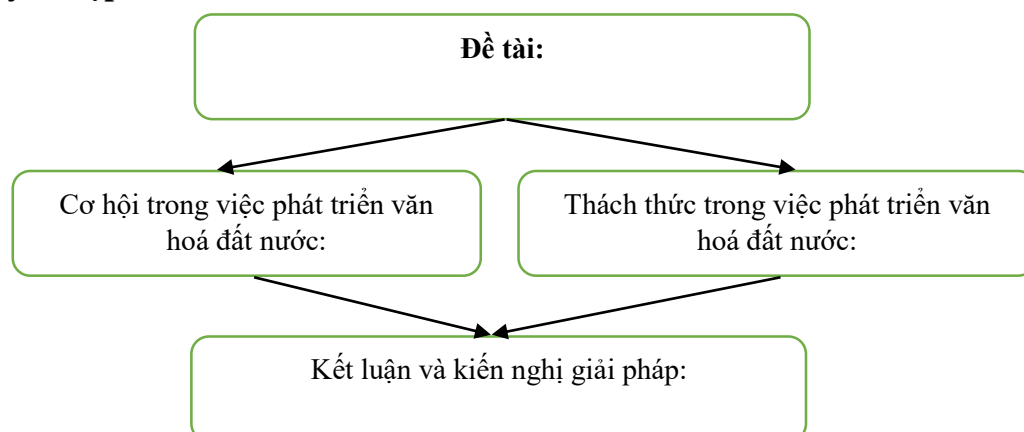
Nhiệm vụ HT: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước; tiếp nối, phát triển kĩ năng nói và nghe đã học ở Bài 2, Bài 6 thông qua một đề tài nói và nghe mới với chủ đề *Tuổi trẻ với sự phát triển văn hoá đất nước*.

1.1. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

CÁC THÀNH TỐ GIAO TIẾP KHI THỰC HIỆN BÀI NÓI

- Người nghe (Who):
- Mục đích bài nói (Why):
- Nói nội dung (What):
- Nói trong không gian (Where):
- Nói trong thời gian (When):
- Chọn cách nói (How):

1.2. Tìm ý và lập dàn



2. Cách thức thực hiện

.....

.....

.....

3. Thực hiện nhiệm vụ

.....

.....

.....

4. Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm clip thuyết trình:

Tiêu chí đánh giá sản phẩm clip thuyết trình		Đạt	Chưa đạt
Nội dung clip	Chọn được đề tài thuyết trình đúng với yêu cầu		
	Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến của bản thân		
	Có cách mở đầu và kết thúc lời cuốn, hấp dẫn		
	Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả		
Người thuyết trình	Ít nhất hai thành viên luân phiên thuyết trình		
	Thuyết trình trên cách hiểu của bản thân, không phụ thuộc vào giấy		
	Phong thái thuyết trình tự tin, lời cuốn, hấp dẫn		
Chất lượng clip	Độ phân giải clip ở chất lượng HD		
	Âm thanh clip rõ ràng, âm lượng hợp lí		
	Sử dụng các hiệu ứng một cách hợp lí để làm tăng sức hấp dẫn cho clip		
	Thời lượng clip tối đa 10 phút		

.....

.....

.....

.....

PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 8

Câu 1:

.....

.....

Câu 2: Tình cảm yêu nước, ý chí và khát vọng độc lập của dân tộc ta thể hiện qua “ *Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh:

.....

.....

.....

.....

Lưu ý về cách đọc hiểu một VB nghị luận:

– Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, phân tích mối liên hệ và sự đặc sắc của các yếu tố này.

– Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận trong việc thực hiện mục đích VB.

– Phân tích việc sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, cách lập luận trong việc biểu đạt nội dung VB.

Câu 3: Một số biểu hiện cho thấy sự thống nhất giữa mục đích sáng tác với nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật trong tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội, cần lưu ý:

.....

.....

.....

.....

BÀI 9

KHÁM PHÁ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

(Văn bản thông tin)

PHẦN I : TRI THỨC NGỮ VĂN

1.BỐ CỤC, MẠCH LẠC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN				
Bố cục			Mạch lạc	
Khái niệm		...	Khái niệm	...
Dấu hiệu nhận biết một số kiểu bố cục cơ bản của VB	Trật tự thời gian	...	Dấu hiệu nhận diện sự mạch lạc của VB	...
	Trật tự không gian	...		
	Mức độ quan trọng của thông tin	...		
	Trật tự logic	...		
Cách thức xác định bố cục của VB		...	Cách thức xác định sự mạch lạc của VB	...

2. Dữ liệu nghiên cứu

	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
Điểm giống	...	
Điểm khác	...	...

3. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu

PHẦN 2: ĐỌC

VĂN BẢN 1: *KHUÔN ĐÚC ĐỒNG CỔ LOA: “NỖ THÂN” KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT - HÀ TRANG***1. Trước khi đọc:****2. Đọc văn bản**

2.1. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

2.2. Hoạt động đọc

3. Sau khi đọc:**3.1. Bố cục, mạch lạc, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin***a. Các thông tin chính của văn bản:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

=>VB đã sử dụng kiểu bố cục:

.....

.....

.....

.....

.....

b. Nhận xét: Thông tin được chọn lọc

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Dữ liệu của văn bản thông tin

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

[illegible]

3.4. Thái độ của người viết

[illegible]

4. Liên hệ, mở rộng:

[illegible]

5. Luyện tập:

Viết đoạn văn (150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về hình ảnh nỏ thần được thể hiện trong truyền thuyết trên và trong thực tế lịch sử

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

VĂN BẢN 2:***SỰ Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT VÀ HẬU QUẢ****(Trích Mùa xuân vắng lặng)* Theo Rây-cheo Ca-son (Rachel Carson)**1. Trước khi đọc:****2. Đọc hiểu văn bản**

- Tác giả : Rây-cheo Ca-son (Rachel Carson)

- Tác phẩm

3. Sau khi đọc:***3.1 Bố cục, sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin***

Đề tài:	
Phần ...	...
Phần ...	...
Phần ...	...

***Nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề và nội dung của VB:**

.....

.....

.....

***Đề xuất nhan đề khác:**

.....

*** VB trình bày thông tin theo trật tự:**

.....

.....

.....

.....

*Cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin:

.....

.....

.....

.....

.....

3.2 Dữ liệu của văn bản thông tin

-Loại dữ liệu được sử dụng trong đoạn văn là:

.....

.....

.....

- Dữ liệu và thông tin trong VB có tính mới mẻ, cập nhật cũng có độ tin cậy cao :

.....

.....

.....

3.3 Thái độ của người viết

Tác giả bày tỏ thái độ:

.....

.....

.....

Ý kiến của mình (đồng tình hoặc không đồng tình) với quan điểm của tác giả:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4.Liên hệ, mở rộng:

.....

.....

.....

5.Luyện tập:

Thực hiện bài tập sáng tạo (SGK,câu 8, tr. 97) ở nhà dựa trên bảng kiểm sau:

Bảng kiểm sản phẩm sáng tạo

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Nội dung	Trình bày chính xác thông tin về thực trạng môi trường nước hiện nay		

	Trình bày được ít nhất hai giải pháp để kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường nước		
Hình thức	Bố cục cân đối, hài hoà		
	Lựa chọn được kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ phù hợp (đối với poster, infographic)		
	Sử dụng đa dạng và hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ (đối với poster, infographic)		
	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu		
	Thể hiện được sự sáng tạo trong cách trình bày sản phẩm		

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN 3: ĐỘI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN
Trần Đăng Khoa

1. ĐỌC NỘI DUNG VĂN BẢN

1. 1. Tâm trạng đội mưa của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn

Những nét tâm trạng	Từ ngữ, hình ảnh	Biện pháp tu từ
Mong ước, khao khát mưa rơi		
Hình dung nếu như có mưa rơi		
Cảm xúc nếu không có mưa rơi		
Nhận xét:		

Cơn mưa trong tâm tưởng của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn	Hoàn cảnh trong thực tế
→ Nguyên nhân các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn mong mưa:	

2. Nhan đề “Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn”, thông điệp:.....

.....

.....

.....

.....

3. Luyện tập :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4.Vận dụng-liên hệ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
VĂN BẢN 4: DÒNG MÊ KHÔNG GIẶN DỮ

-Theo Hoàng Nam, Thu Hằng, Hoàng Khánh, Thanh Hạ-

1. Trước khi đọc:

2. Đọc hiểu văn bản

- Tác giả : Rây-cheo Ca-son (Rachel Carson)

- Tác phẩm

3. Sau khi đọc:

3.1. *Bố cục, mạch lạc, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. 2. *Dữ liệu của văn bản thông tin*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. 3. *Đề tài của VB*

.....

.....

.....

.....

.....

4. Luyện tập :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN III: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
VIỆC TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HỌC TẬP,
NGHIÊN CỨU

1. Tri thức TV: việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu

2. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1:

<i>Tên tác giả</i>	<i>Tên tập thơ</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Trang</i>

Bài tập 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 3:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Từ đọc đến viết

Viết đoạn văn ngắn trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ sgk.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN IV. VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

1. Tri thức về kiểu bài

Yêu cầu của kiểu bài VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

Bố cục của kiểu bài

-Đề tài của bài báo cáo

– Nhan đề:

– Tóm tắt:

– Từ khoá:

– Mở đầu:

– Nội dung chính:

– Kết luận: Kết luận và kiến nghị.

– Tài liệu tham khảo.

2. Phân tích kiểu văn bản (ngữ liệu tham khảo):

Câu 1: Đề tài của bài báo cáo là

Bố cục của bài báo cáo là:

– Nhan đề:

– Tóm tắt:

– Từ khoá:

– Mở đầu:

– Nội dung chính:

1. Khái niệm

2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất

- Kết luận: Kết luận và kiến nghị.
- Tài liệu tham khảo.

Câu 2:

- Câu hỏi nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu:

Câu 3: Những loại dữ liệu được sử dụng trong bài báo cáo:

- Dữ liệu sơ cấp:.....

- Dữ liệu thứ cấp:

- Vai trò của những loại dữ liệu ấy:

Câu 4: Các thông tin do báo cáo cung cấp có tính cập nhật, độ tin cậy và khách quan cao. Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo là biểu đồ và bảng biểu.

3. Quy trình viết

1. Chuẩn bị viết:

PHIẾU HỌC TẬP

Tên nhóm:

Tên đề tài:

Người đọc có thể là:.....

.....

Bài viết này có thể được công bố ở:

.....

Mục tiêu nghiên cứu là:.....

BẢNG KÊ DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tên tài liệu	Nguồn tài liệu (Tên nhà xuất bản/ tên tạp chí/ trang web, năm xuất bản/ công bố)	Nội dung chính của tài liệu	Sự đóng góp của tài liệu cho việc trả lời câu hỏi nghiên cứu (Câu hỏi nghiên cứu nào? Nội dung đóng góp là gì? Trả lời câu hỏi nghiên cứu ở mức độ nào?...)
1				
....				

2. Phát thảo đề cương nghiên cứu**NỘI DUNG PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU**

Tên đề tài:.....

Lí do chọn đề tài:

.....

Mục đích nghiên cứu:

.....

Câu hỏi nghiên cứu: -----

Cơ sở lí thuyết:-----

Các dữ liệu cần thu thập: -----

Phương pháp thu thập dữ liệu: -----

Nội dung các chương/ mục của báo cáo nghiên cứu: -----

Danh mục tài liệu tham khảo: -----

3. Thực hiện nghiên cứu

4. *Viết báo cáo*

[illegible]

5. Xem lại và chỉnh sửa

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Dữ liệu thu thập	Có thể làm rõ cơ sở lí thuyết.		
	Phong phú (bảng hỏi, câu hỏi phỏng vấn, ghi chép, quan sát từ thực tế, kết quả thử nghiệm,...).		
	Phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp.		
Phương pháp nghiên cứu	Có thể làm sáng tỏ mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu.		
	Kết hợp các phương pháp nghiên cứu (nghiên cứu lí thuyết, khảo sát thực trạng, thực nghiệm, thống kê, xử lí, phân tích dữ liệu).		
Đề cương nghiên cứu	Thể hiện được những nội dung chính của bài báo cáo kết quả nghiên cứu: Lí do chọn đề tài, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo, dữ liệu dự kiến thu thập, các chương/ mục.		
	Sắp xếp các chương/ mục theo trình tự hợp lí.		

PHẦN V :NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ
NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

1. Hoạt động chuẩn bị nói

1.1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm****PHẦN VI. ÔN TẬP BÀI 9****1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập****Câu 1:****Câu 2:**

Văn bản	<i>Khuôn đúc đồng Cổ Loa: “nỗ thần” không chỉ là truyền thuyết</i>	<i>Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả</i>
Đề tài		
Thông tin cơ bản		
Kiểu bố cục		
Loại dữ liệu sử dụng trong VB		
Thái độ của tác giả		
Phương tiện phi ngôn ngữ		

Câu 3: Những điều cần chú ý:

.....

.....

.....

Câu 4:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5:

.....

.....

.....

Câu 6:

.....

.....

.....

2. Từ đọc đến viết

This image shows a full page of white paper with horizontal blue ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a template for handwriting practice or general writing. There are no margins, text, or other markings on the page.

.....HẾT.....